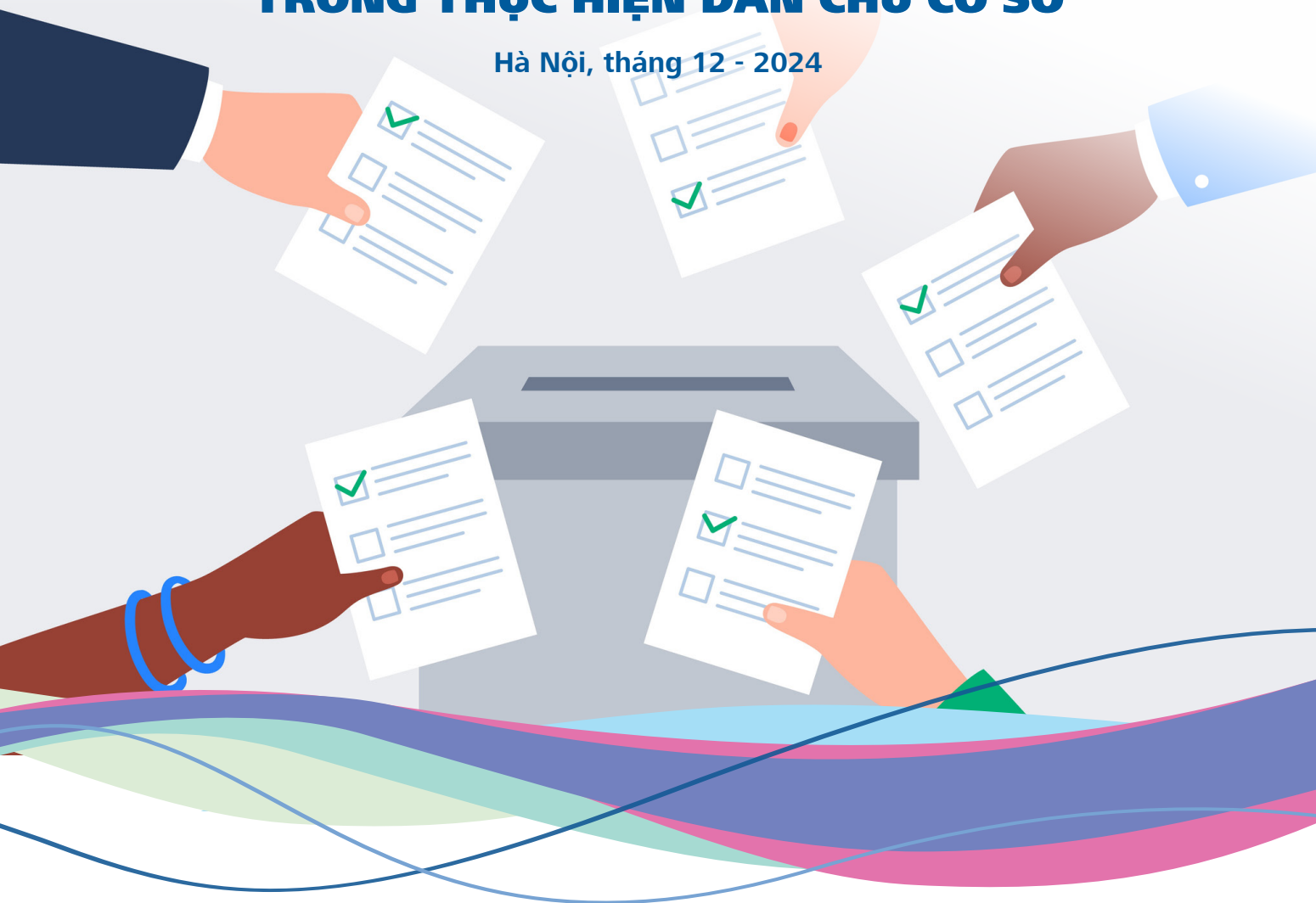


BÁO CÁO THAM VẤN

SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN TRONG THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ

Hà Nội, tháng 12 - 2024



REPORT

PEOPLE'S PARTICIPATION IN IMPLEMENTING GRASSROOTS DEMOCRACY

Hanoi, December 2024

**BÁO CÁO THAM VẤN
SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN
TRONG THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ**

Hà Nội, tháng 12 - 2024

Mục lục

DANH MỤC BẢNG..... VI

DANH MỤC BIỂU ĐỒ..... VI

DANH MỤC HỘP VI

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VII

LỜI CẢM ƠN..... VIII

Phần I: GIỚI THIỆU..... 01

 1. Bối cảnh nghiên cứu 01

 2. Mục đích nghiên cứu..... 02

 3. Câu hỏi nghiên cứu 02

 4. Phương pháp thu thập dữ liệu 02

 5. Giới hạn của nghiên cứu 03

Phần II: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 04

 2.1. Thực hiện dân chủ cơ sở nhìn từ sự tham gia của người dân 04

 2.2. Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện dân chủ cơ sở..... 10

 2.3. Yếu tố tác động đến sự tham gia của người dân và vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở đối với thực hiện dân chủ cơ sở..... 17

Phần III: GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ..... 20

 3.1. Một số đề xuất giải pháp 20

 3.2. Khuyến nghị đến Chính phủ, chính quyền địa phương và các bên liên quan..... 22

TÀI LIỆU THAM KHẢO 24

 Nghị quyết và một số văn bản quy phạm pháp luật..... 24

 Ấn phẩm khoa học..... 25

 Tập thể nhà nghiên cứu 25

Danh mục bảng

Bảng 1: Người dân cho biết hình thức chọn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (%) 05

Bảng 2: Lý do người dân chưa hiểu tốt và quan tâm về DCCS xét theo địa phương (%) 05

Bảng 3: Mối quan hệ lãnh đạo, phối hợp và hỗ trợ giữa các cơ quan trong thực hiện DCCS 13

Bảng 4: Mức độ thực hiện chức trách, nhiệm vụ nhằm đảm bảo DCCS xét theo địa phương (%)..... 15

Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 1: Mức độ hiểu biết, quan tâm về DCCS của người dân theo ý kiến CBCC (%) 04

Biểu đồ 2: Thành viên đi bầu tổ trưởng tổ dân phố (trưởng thôn) (%)..... 06

Biểu đồ 3: Người dân bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã xét theo địa phương (%) 07

Biểu đồ 4: Người dân đóng góp sửa chữa, xây dựng công trình công cộng (%) 08

Biểu đồ 5: Người dân nắm bắt danh sách bình xét hộ nghèo tại địa phương (%) 09

Biểu đồ 6: Người dân nắm bắt tình hình công bố thu - chi tài chính tại địa phương (%)..... 10

Biểu đồ 7: Hoạt động LDQL thực hiện DCCS của hệ thống chính trị cấp cơ sở (%) 10

Biểu đồ 8: Một số tồn tại, khó khăn trong lãnh đạo, quản lý để thực hiện DCCS (%) 12

Biểu đồ 9: Thực hiện chức trách, nhiệm vụ để đảm bảo DCCS theo ý kiến CBCC (%)..... 14

Biểu đồ 10: Thúc đẩy và tận dụng công nghệ số để cải thiện và phát huy DCCS (%)..... 16

Danh mục hộp

Hộp 1: Hệ thống chính trị xã Hát Môn triển khai thực hiện DCCS 11

Hộp 2: Câu chuyện về cơ chế phối hợp hiệu quả trong giám sát dự án cộng đồng 13

Danh mục từ viết tắt

CBCC	: Cán bộ, công chức
DCCS	: Dân chủ cơ sở
HĐND	: Hội đồng Nhân dân
HCMA	: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
HN	: Hà Nội
IOC	: Trung tâm điều hành thông minh
LĐQL	: Lãnh đạo, quản lý
NXB	: Nhà xuất bản
PAPI	: Chỉ số Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh
SPSS	: Phần mềm phân tích thống kê trong khoa học xã hội
Sđd.	: Sách đã dẫn
TP.	: Thành phố
Tlđd.	: Tài liệu đã dẫn
UBND	: Ủy ban Nhân dân
UNDP	: Chương trình phát triển Liên hợp quốc
ViLEAP	: Viện Lãnh đạo học và Chính sách công

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn cán bộ, công chức, thành viên ban điều hành tổ dân phố, thôn tại 4 xã, phường thuộc quận Bắc Từ Liêm và huyện Phúc Thọ (Thành phố Hà Nội), thành phố Bắc Ninh và thị xã Quế Võ (tỉnh Bắc Ninh) cùng người dân ở các địa phương này đã tham gia tích cực các buổi tọa đàm và phỏng vấn sâu.

Nhóm nghiên cứu cũng trân trọng những đóng góp và góc nhìn quý báu của các chuyên gia, nhà khoa học tại Tọa đàm tham vấn “Sự tham gia của người dân trong thực hiện dân chủ cơ sở” do Friedrich-Ebert-Stiftung Việt Nam phối hợp cùng Viện Lãnh đạo học và Chính sách công (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) đồng tổ chức vào ngày 02 tháng 8 năm 2024. Những ý kiến đóng góp đã được cân nhắc cẩn thận, tiếp thu và đưa vào báo cáo này.

Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Friedrich-Ebert-Stiftung Việt Nam đã hợp tác tích cực cùng Viện Lãnh đạo học và Chính sách công và đội ngũ chuyên gia để hoàn thành báo cáo này. Nội dung trong báo cáo cùng với bất kỳ sai sót nào trong diễn giải hoàn toàn thuộc về nhóm nghiên cứu, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Friedrich-Ebert-Stiftung Việt Nam cũng như Viện Lãnh đạo học và Chính sách công.

Phần I: Giới thiệu

1. Bối cảnh nghiên cứu

Dân chủ là mục tiêu, giá trị phổ quát của nhân loại cũng như của các hình thức chính thể tiến bộ ngày nay. Nhân loại đã và đang nỗ lực, từ đó đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện về dân chủ ở các cấp độ khác nhau, trong đó có cấp cơ sở. Tuy vậy, mục tiêu “mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền”¹ vẫn là hành trình gian nan. Các cuộc khủng hoảng, rủi ro có tính khu vực, toàn cầu như COVID-19, xung đột vũ trang, khủng hoảng di cư, nghèo đói, phân cực xã hội, sự phát triển công nghệ hiện đại, v.v. khiến việc đảm bảo DCCS cho người dân, nhất là các nhóm chịu nhiều thiệt thòi (nữ giới, người cao tuổi, người nghèo, các dân tộc thiểu số, v.v.) càng trở nên thách thức.

Từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng) luôn kiên định, nhất quán và nỗ lực hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Nhà nước dân chủ, của dân, do dân và vì dân². Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng đã khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực”³. Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) đã xác định kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; đồng thời nhấn

mạnh “thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở”⁴.

Trên cơ sở đó, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để thực thi dân chủ, DCCS trên thực tế. Điều 3, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”. Trước đó, năm 1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30/CT-TW về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; từ đó tạo nền tảng chính trị quan trọng cho sự ra đời của hệ thống chính sách, pháp luật về thực hành DCCS ở Việt Nam sau này. Đó là Nghị quyết số 45-1998/NQ-UBTVQH10 ngày 26/02/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. Sau 5 năm tổ chức thực hiện hai văn bản này, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28/3/2002 về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, từ đó Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 2003/7/07 về Quy chế thực hiện dân chủ ở xã thay thế cho Nghị định số 1998/29/NĐ-CP, trong đó chú trọng tăng cường vai trò, trách nhiệm của bộ máy chính quyền cấp xã trong việc thực hiện DCCS.

Năm 2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 về

- 1 Gudmundur Alfredsson & Asbjørn Eide (2011) Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, 1948: Mục tiêu chung của nhân loại (Hoàng Hồng Trang, Nguyễn Hải Yến, Nguyễn Thị Xuân Sơn dịch). NXB. Lao động - Xã hội. HN. tr.44.
- 2 Trong Báo cáo này, thuật ngữ “người dân” được hiểu là “công dân Việt Nam” theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.
- 3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB. Chính trị quốc gia Sự thật. HN. tr.84 - 85.
- 4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tập 1). NXB Chính trị quốc gia - Sự thật. HN. tr.173.

thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thay cho Nghị định số 79/2003/NĐ-CP trước đó. Năm 2022, sau 15 năm thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và để đáp ứng yêu cầu, tình hình mới, Quốc hội đã chính thức ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. So với Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã bổ sung 01 nguyên tắc và sửa đổi, bổ sung một số nguyên tắc khác nhằm hoàn thiện hơn việc tổ chức thực hiện DCCS. Ngoài ra, Luật này đã làm rõ hơn quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện DCCS. Đặc biệt lần đầu tiên luật hóa “quyền thụ hưởng của công dân” nhằm cụ thể hóa chỉ đạo mới nhất quan điểm “dân thụ hưởng” trong thực hiện DCCS theo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021). Bên cạnh đó, Luật cũng ghi nhận các điều kiện bảo đảm thực hiện DCCS; hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện DCCS. Như vậy, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất và hoàn thiện nhất quy định thực hiện DCCS của Việt Nam. Sự ra đời của Luật này minh chứng nỗ lực không ngừng của Việt Nam trong đảm bảo, phát huy DCCS trong bối cảnh mới.

Quá trình thực thi những chủ trương, chính sách trên, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ngày càng được nâng lên. Qua đó huy động và phát huy được tiềm năng, sức sáng tạo, ý kiến của Nhân dân vào quá trình hoạch định, thực thi, giám sát và đánh giá các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Bầu không khí dân chủ trong Đảng và trong xã hội được mở rộng hơn⁵.

Tuy nhiên, việc thực hiện DCCS ở Việt Nam vẫn còn một số khó khăn, thách thức. Chính sách về DCCS triển khai chưa tốt, còn hình thức và máy móc. Quyền làm chủ của người dân ở một số nơi chưa được tôn trọng, hoặc bị vi phạm. Nguyên

tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng” ở cơ sở triển khai còn lúng túng. Thực tế nêu trên cùng với bối cảnh Việt Nam đã và đang đẩy mạnh thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 12/7/2023), thực thi Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số đến năm 2030, v.v. khiến việc nghiên cứu về sự tham gia của người dân vào quá trình quản trị xã hội, thực hành DCCS ngày càng trở nên cần thiết.

2. Mục đích nghiên cứu

Báo cáo này phân tích sự tham gia của người dân, vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở đối với quá trình thực hiện DCCS và các yếu tố tác động đến những vấn đề này từ thực tiễn tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh. Từ đó đề xuất giải pháp và khuyến nghị nhằm tiếp tục bảo đảm và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào đời sống chính trị - xã hội của đất nước, địa phương trong thời gian tới.

3. Câu hỏi nghiên cứu

1. Người dân đã tham gia thế nào vào quá trình thực hiện DCCS?
2. Hệ thống chính trị cấp cơ sở (bao gồm tổ dân phố, thôn) của TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh đã thể hiện vai trò thế nào trong việc đảm bảo thực hiện DCCS?
3. Yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân và vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện DCCS?

4. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn sau đây:

4.1. Thu thập dữ liệu qua khảo sát: Khảo sát trực tiếp bằng bản hỏi được in sẵn đối với 200

5 Ngô Văn Sỹ (2021). Nhìn lại 20 năm thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở. Tạp chí Cộng sản điện tử, đường dẫn truy cập: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/821526/nhin-lai-hon-20-nam-thuc-hien-quy-che-dan-chu-o-co-so.aspx>

CBCC trong hệ thống chính trị cấp cơ sở, thành viên ban điều hành tổ dân phố, thôn của 4 xã, phường thuộc TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh. Tại TP. Hà Nội, chúng tôi đã khảo sát ở phường Cổ Nhuế 2 (quận Bắc Từ Liêm) và xã Hát Môn (huyện Phúc Thọ). Ở tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi khảo sát tại phường Vũ Ninh (thành phố Bắc Ninh) và xã Mộ Đạo (thị xã Quế Võ). Mẫu được chia đều cho các địa bàn nghiên cứu, gồm 100 phiếu ở 2 xã, phường thuộc 2 quận, huyện của TP. Hà Nội và còn lại tại 2 xã, phường thuộc 2 thành phố, thị xã của tỉnh Bắc Ninh. Dữ liệu khảo sát được xử lý, phân tích trên phần mềm thống kê SPSS, phiên bản 27.0.

4.2. Thu thập dữ liệu qua phỏng vấn sâu:

Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn sâu có chủ đích, theo bản hướng dẫn với một số các câu hỏi được chuẩn bị sẵn đối với 40 CBCC trong hệ thống chính trị cấp cơ sở, ban điều hành tổ dân phố, thôn tại 4 xã, phường của TP. Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và 25 người dân ở các địa bàn này. Mỗi xã, phường được chọn có 10 cuộc phỏng vấn sâu CBCC và 5 cuộc dành cho người dân. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đã tăng 5 cuộc phỏng vấn sâu người dân tại phường Cổ Nhuế 2 (quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội). Đây là địa phương có tốc độ đô thị hoá nhanh, dân cư đông và đa dạng về thành phần (hưu trí, công an, quân đội, và dân nhập cư, v.v.), mật độ dân trí khá cao, tích cực tham gia DCCS.

4.3. Thu thập dữ liệu qua tọa đàm chuyên sâu với cán bộ, công chức và người dân

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành 8 cuộc tọa đàm, cụ thể:

- Tại TP. Hà Nội: tổ chức 4 cuộc tọa đàm, trao đổi với lãnh đạo Quận ủy Bắc Từ Liêm, Huyện ủy Phúc Thọ; lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đại diện ban điều hành tổ dân phố, thôn cùng người dân của phường Cổ Nhuế 2 (Quận Bắc Từ Liêm) và xã Hát Môn (huyện Phúc Thọ).
- Tại tỉnh Bắc Ninh: tổ chức 4 cuộc tọa đàm, trao đổi với lãnh đạo Thành ủy Bắc Ninh, Thị ủy Quế Võ; lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị

- xã hội, đại diện ban điều hành tổ dân phố, thôn cùng người dân của phường Vũ Ninh (Thành phố Bắc Ninh) và xã Mộ Đạo (thị xã Quế Võ).

4.4. Thu thập dữ liệu qua các tài liệu, báo cáo và ấn phẩm khoa học

Một phần bộ dữ liệu gốc về Chỉ số Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 được sử dụng trong Báo cáo này. Từ bộ dữ liệu chung, chúng tôi tách thành bộ dữ liệu của TP. Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và chủ yếu xử lý dữ liệu ở nội dung 1: “tham gia của người dân ở cấp cơ sở”, nội dung 2: “công khai, minh bạch trong việc ra quyết định” và nội dung 3: “trách nhiệm giải trình với người dân” vì có nhiều chỉ báo phản ánh mức độ tham gia của người dân vào hoạt động DCCS. Dữ liệu của PAPI năm 2023 đã khảo sát 1,120 người dân ở TP. Hà Nội (chiếm 5.91% mẫu toàn quốc) và 349 người dân ở tỉnh Bắc Ninh (chiếm 1.84% mẫu toàn quốc).

Một số báo cáo, ấn phẩm khoa học của các tổ chức, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong nước, quốc tế; tư liệu, số liệu do các địa phương cung cấp cũng được sử dụng trong Báo cáo này.

5. Giới hạn của nghiên cứu

Báo cáo sẽ sâu sắc hơn nếu nhóm nghiên cứu có quỹ thời gian đủ nhiều để làm việc với hệ thống chính trị cấp xã khác tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh. Chẳng hạn ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, khó khăn về điều kiện địa lý, nhiều khu công nghiệp, sở hữu nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả hơn trong thực hiện DCCS.

Đặc biệt, dù mong muốn nhưng chúng tôi chưa thể tiếp cận, trò chuyện nhiều hơn với ban điều hành tổ dân phố, thôn; khảo sát trực tiếp ý kiến của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, nhóm khuyết tật, nhóm thanh thiếu niên và nhóm trong độ tuổi lao động về thực hành DCCS của họ. Tuy vậy, những hạn chế, khoảng trống nêu trên cũng là cơ hội để chúng tôi, các nhà nghiên cứu khác tiếp tục khai thác, phát triển các hướng nghiên cứu chuyên sâu hơn.

Phần II: Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực hiện dân chủ cơ sở nhìn từ sự tham gia của người dân

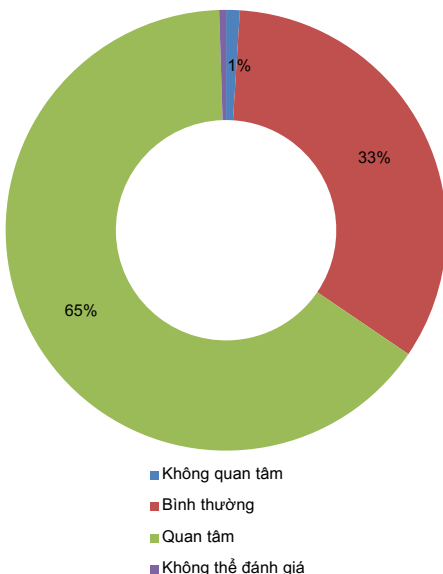
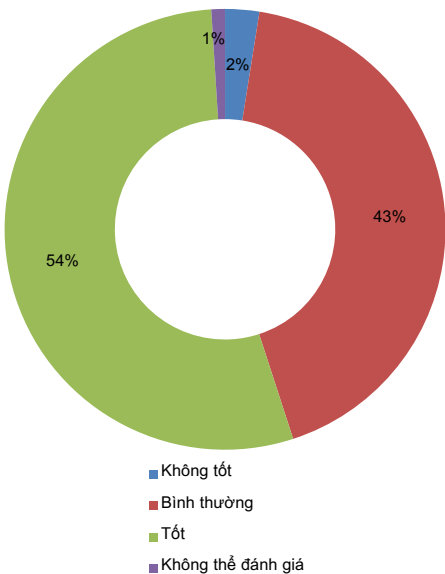
2.1.1. Mức độ hiểu biết, kỳ vọng và sự quan tâm của người dân đối với thực hiện dân chủ cơ sở

Mức độ hiểu biết, sự kỳ vọng và quan tâm của người dân tại 2 địa phương về một số nội dung liên quan đến DCCS là đa chiều, phức tạp và không hoàn toàn giống nhau. Trong số 200 CBCC được khảo sát, chỉ 2.5% cho rằng người

dân hiểu biết *không* tốt về DCCS (xem Biểu đồ 1, bên trái) và 1.0% *không* quan tâm về vấn đề này tại địa phương (xem Biểu đồ 1, bên phải). Tổng hợp dữ liệu phỏng vấn sâu của người dân cho thấy phần đa họ đã từng nghe và tìm hiểu qua (dù chưa chuyên sâu) về DCCS, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022. Đặc biệt, qua các cuộc trả lời phỏng vấn sâu, người dân cho thấy sự am tường khá tốt nguyên tắc “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra giám sát và dân thụ hưởng*” được cấp ủy, chính quyền truyền thông và tổ chức thực hiện suốt thời gian qua.

Biểu đồ 1: Mức độ hiểu biết, quan tâm về DCCS của người dân theo ý kiến CBCC (%)

Nguồn: Khảo sát ViLEAP



Phân tích ý kiến 1469 người dân tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh cho biết, họ có hiểu biết *tốt* về hình thức bầu chọn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tại nơi họ cư trú (xem Bảng 1). Có 81.28% người dân tại 2 địa phương *biết chính xác* hình thức để lựa chọn người đứng đầu thôn, tổ dân phố nơi họ đang sinh sống. Qua phỏng vấn sâu, đa số người

dân ở 2 địa phương khi được hỏi đều biết rõ tên của bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND xã, phường hoặc của tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn hiện tại. Họ cũng quan tâm ai sẽ là người đứng đầu trong chính quyền cấp xã và ban điều hành tổ chức tự quản nơi họ đang sinh sống.

Bảng 1: Người dân cho biết hình thức chọn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (%)

Nguồn: ViLEAP thu thập, xử lý⁶

Hình thức lựa chọn	Địa phương		Tổng
	TP. Hà Nội	Tỉnh Bắc Ninh	
Do Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn thông qua	0.45	0.29	0.41
Do Đảng ủy xã, phường, thị trấn thông qua	1.43	1.15	1.36
Do HĐND xã, phường, thị trấn thông qua	2.14	1.71	2.04
Do người dân tại địa bàn dân cư bầu chọn	79.11	88.25	81.28
Phương án khác	16.87	8.60	14.91

Ngoài ra, người dân cũng quan tâm nhiều vấn đề cộng đồng khác, điển hình là đóng góp, sử dụng các quỹ tự nguyện. Một người dân chia sẻ: “[Tôi] thường xuyên tham gia [đóng góp] các quỹ vì biển đảo, bảo trợ trẻ em, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học, quỹ vì người nghèo, chăm sóc người cao tuổi. Các quỹ này đều công khai minh bạch và dùng đúng mục đích.” (Nam, 61 tuổi, TP. Hà Nội, bộ đội nghỉ hưu, xã HM). Đây là một trong số khá nhiều chia sẻ của người dân ở 2 địa phương được phỏng vấn. Cùng với các phân tích ở trên, kết quả này phần nào gián tiếp phản ánh sự quan tâm đáng kể của người dân vào thực hiện các phần việc khác nhau liên quan đến DCCS, lợi ích chung của cộng đồng nơi họ đang sinh sống.

Tuy nhiên, ở một số chiều cạnh khác, người dân tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh *hiểu biết chưa tốt hoặc chưa quan tâm, kỳ vọng (niềm tin)* chưa cao đối với một số nội dung, công việc liên quan đến thực hiện DCCS. Chỉ 52.20% người dân *nhớ chính xác* thời gian tổ chức kỳ bầu cử

gần nhất (mới diễn ra năm 2022 và 2023) để lựa chọn trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố (tại TP. Hà Nội: 55.22% và tỉnh Bắc Ninh: 45.58%). Đáng chú ý có tới 71.15% *không biết rõ* nhiệm kỳ của lãnh đạo thôn, tổ dân phố kéo dài trong là bao lâu. Tỷ lệ này ở tỉnh Bắc Ninh là 82.59%, cao hơn TP. Hà Nội (62.50%)⁷.

Báo cáo này cũng chú ý phân tích một số nguyên nhân khiến người dân hiểu biết chưa sâu sắc cũng như chưa thực sự quan tâm đến DCCS (xem Bảng 2). Có 5 nguyên nhân quan trọng, trong đó 3 nguyên nhân thuộc về phía người dân gồm trình độ học vấn (75.0%), khó khăn kinh tế (83.4%) và cảm nhận về sự cần thiết của DCCS (83.4%%). Các nguyên nhân còn lại thuộc về năng lực tổ chức thực thi chính sách DCCS của hệ thống chính trị cơ sở (75.0%) và tính phức tạp của vấn đề đảm bảo và mở rộng DCCS trong bối cảnh xã hội Việt Nam (83.4%). Sự ảnh hưởng của các nguyên nhân này đến tham gia thực hành DCCS của người dân sẽ tiếp tục được phân tích sâu, lý giải thấu đáo hơn ở Mục 2.3.

Bảng 2: Lý do người dân chưa hiểu tốt và quan tâm về DCCS xét theo địa phương (%)

Nguồn: Khảo sát ViLEAP

Một số lý do	Địa phương		Trung bình
	TP. Hà Nội	Tỉnh Bắc Ninh	
1. Khó khăn về kinh tế và đời sống của người dân	100.0	66.7	83.4
2. Người dân cảm thấy DCCS chưa cần thiết	100.0	66.7	83.4
3. Tính phức tạp của vấn đề thực hiện DCCS	100.0	66.7	83.4

6 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

7 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

Một số lý do	Địa phương		Trung bình
	TP. Hà Nội	Tỉnh Bắc Ninh	
4. Trình độ học vấn của người dân	50.0	100.0	75.0
5. Thực thi DCCS của hệ thống chính trị địa phương chưa tốt	50.0	100.0	75.0
6. Người dân là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số	50.0	33.3	41.7
7. Truyền thông của hệ thống chính trị địa phương chưa hiệu quả	50.0	33.3	41.7
8. Điều kiện (địa lý, thông tin, v.v.)	100.0	66.7	83.4

Xét theo địa phương, thống kê tại Bảng 2 cũng hàm ý rằng, TP. Hà Nội cần chú ý hơn việc cải thiện đời sống kinh tế, nhận thức về sự cần thiết, ý nghĩa thực sự của DCCS cho người dân. Lý giải thêm về vấn đề này, một công chức chia sẻ: *“Một bộ phận người dân coi việc công khai, lấy ý kiến không phải việc của mình, ý kiến của mình không có giá trị. Một bộ phận khác đồng ý với các nội dung được lấy ý kiến dù không liên quan trực tiếp đến bản thân họ.”* (Nam, 35 tuổi, TP. Hà Nội, công chức văn phòng, UBND phường). Trong khi đó, tỉnh Bắc Ninh cần chú cải thiện trình độ nhận thức của người dân và năng lực thực thi DCCS của hệ thống chính trị cơ sở.

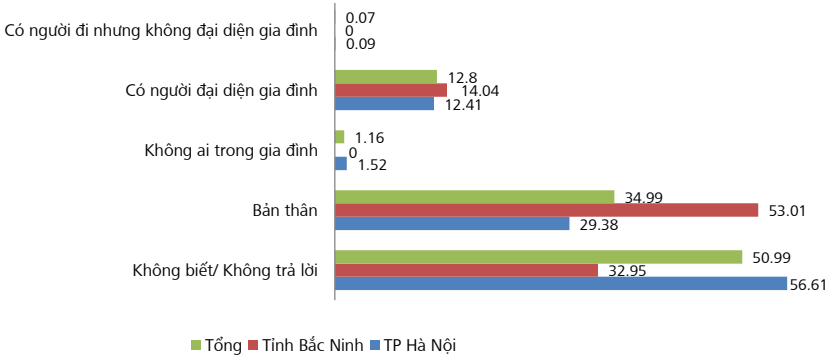
2.1.2. Mức độ thực hành dân chủ cơ sở của người dân đối với một số nội dung, công việc chung của cộng đồng tại địa phương

2.1.2.1. Bầu tổ trưởng tổ dân phố (trưởng thôn) và đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã

Qua nghiên cứu tại 2 địa phương cho thấy, 47.79% người dân cho rằng bản thân họ hoặc người đại diện gia đình đã đi bầu trưởng thôn (tổ trưởng tổ dân phố) vào kỳ bầu cử gần nhất (*xem Biểu đồ 2*). Đáng chú ý, người dân TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh *hiếm khi* nhờ người khác, đặc biệt người không đại diện cho ý chí, nguyện vọng của họ (hoặc gia đình họ) đi bầu các chức danh này (0.07%). Một người dân chia sẻ: *“Tôi đã nghiên cứu rõ lý lịch tiểu sử của các ứng viên. Tôi thấy họ có đủ đức, đủ tài, trình độ học vấn theo tiêu chí, phù hợp với chức vụ được giao. Sau khi trúng cử tôi theo dõi họ thực hiện nhiệm vụ thì thấy tốt.”* (Nữ, 60 tuổi, TP. Hà Nội, làm nông, xã HM). Rõ ràng, người dân có ý thức và coi trọng thực hiện quyền bầu cử của mình, nhất là đối với các chức danh gần gũi, gắn bó với cuộc sống của họ. Tuy nhiên có đến 50.99% người dân được khảo sát *“không biết”* hoặc *“không nhớ”* ai đã đi bầu cử các chức danh này vào kỳ bầu cử gần nhất mặc dù thời gian diễn ra sự kiện này không cách quá lâu⁸.

Biểu đồ 2: Thành viên đi bầu tổ trưởng tổ dân phố (trưởng thôn) (%)

Nguồn: ViLEAP thu thập, xử lý⁹



8 Nhiệm kỳ gần nhất của trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố tại TP. Hà Nội là 2023-2026, tại tỉnh Bắc Ninh là 2022-2025. Thời điểm khảo sát dữ liệu PAPI được tiến hành trong toàn quốc vào năm 2023.

9 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

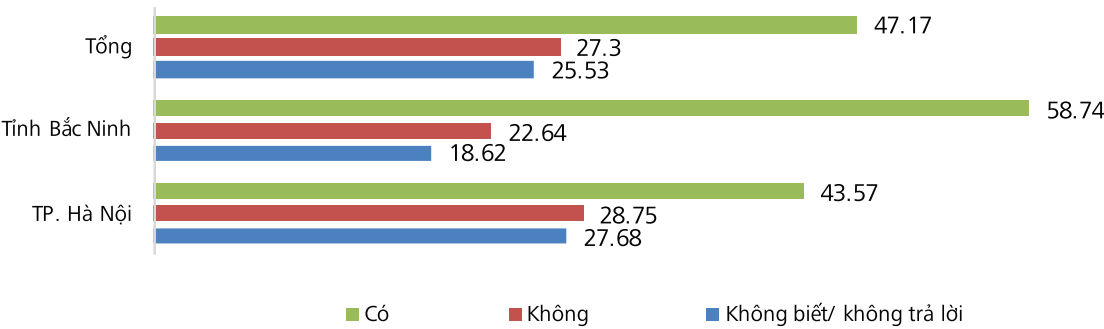
Kể đến, tỷ lệ người dân tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã ở nhiệm kỳ gần nhất tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh *không giống nhau (xem Biểu đồ 3)*. Tỷ lệ chung chỉ đạt 47.17%. Phát hiện này đáng quan tâm bởi:

- *Thứ nhất*, đại biểu HĐND là người đại diện cho *tiếng nói* và *ý chí* của người dân (cử tri), được tín thác để tham gia vào cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, thay mặt người dân quyết định các vấn đề hệ trọng tại địa phương. Tuy nhiên, tỷ lệ đi bầu cử đại biểu HĐND cấp xã tương đối thấp cho thấy người dân chưa thực sự chú ý đến vai trò của thiết chế này; đồng thời phản ánh phần nào sự sụt giảm niềm tin về những giá trị, lợi ích chính đáng mà đại biểu HĐND và của chính cơ quan này mang lại cho cử tri. Thực tế cho thấy, hoạt động của HĐND vẫn ít hiện diện trực tiếp, chưa thường xuyên tác động đến quyền lợi của người dân so các cơ quan hành chính nhà nước khác.

Do đó, cần chú ý truyền thông về địa vị pháp lý, sứ mệnh của HĐND cấp xã, vai trò của đại biểu HĐND trong đông đảo người dân. Quan trọng hơn, cốt lõi vẫn là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND; vai trò đại diện của đại biểu HĐND một cách thực chất. Khắc phục được các vấn đề này sẽ góp phần thu hút sự quan tâm, hưởng ứng và động viên sự tham gia tích cực hơn của người dân vào tiến trình hiện thực hóa mục tiêu DCCS.

Biểu đồ 3: Người dân bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã xét theo địa phương (%)

Nguồn: ViLEAP thu thập, xử lý¹⁰



- *Thứ hai*, một phát hiện đáng chú ý khác, tỷ lệ người dân ở TP. Hà Nội (43.57%) đi bầu cử đại biểu HĐND cấp xã thấp hơn hẳn so với tỉnh Bắc Ninh (%58.74). Điều này khá đặc biệt bởi Hà Nội là thủ đô, trung tâm chính trị quốc gia nên mức độ nhận thức, quan tâm của người dân đối với các vấn đề chính trị, trong đó có thực hành DCCS được kỳ vọng sẽ tốt hơn so với các địa phương khác. Thông qua ý kiến của một công chức, “ngịch lý” này được lý giải khá thấu đáo: *“Địa phương càng có tốc độ đô thị hóa cao, nhanh, người ngụ cư nhiều thì họ chủ yếu quan tâm đến hoạt động kinh doanh, thương mại. Vì vậy những vấn đề của địa phương [bao gồm thực hiện DCCS]¹¹ không được [họ] chú trọng tham gia”* (Nam, 43 tuổi, TP. Hà Nội, công chức văn phòng - thống kê, UBND phường).

2.1.2.2. Tham gia một số hoạt động quan trọng khác góp phần thực hiện dân chủ cơ sở

Biểu đồ 4A mô tả tổng thể sự tham gia của người dân TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh đối với việc *sửa chữa, xây dựng các công trình công cộng* tại nơi họ cư trú. Theo đó, chỉ 13.27% người dân được hỏi đã tham gia đóng góp xây dựng mới hoặc sửa chữa các công trình công cộng. Tỷ lệ này ở TP. Hà Nội

10 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.
11 Phần nội dung trong “[...]” được nhóm nghiên cứu bổ sung để làm rõ ý nghĩa biểu đạt nhưng không làm thay đổi bản chất ý kiến của người được phỏng vấn sâu.

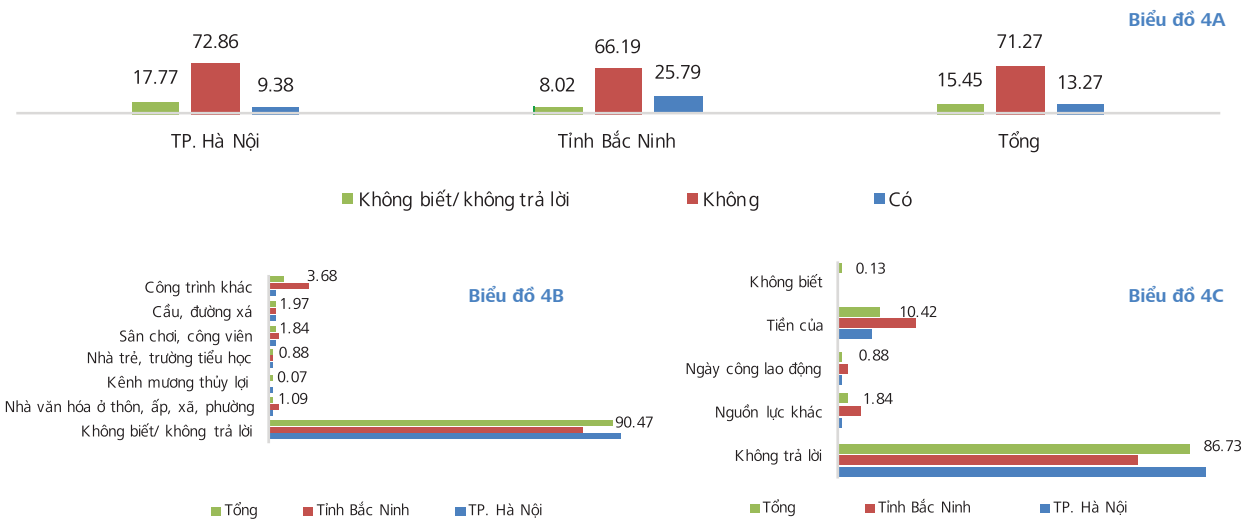
chỉ 9.38%, trong khi tỉnh Bắc Ninh là 25.79%¹². Lý giải cho thực tế này, Báo cáo của Đảng ủy xã Mộ Đạo (thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) đã đề cập một phần nguyên nhân: “*Tâm lý của người dân còn bị i lại, trông chờ nhiều vào chế độ, chính sách của nhà nước, nhất là việc đóng góp tài chính để kiến thiết xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương*”¹³.

Biểu đồ 4B và 4C cho thấy những loại công trình và nguồn lực cụ thể mà người dân đã đóng góp. Đáng chú ý, 1.97% người dân đóng góp nguồn lực của họ để tu sửa, xây dựng cầu, đường sá; 1.84% là sân chơi, công viên và 1.09% là nhà văn hóa thôn, phường (xem Biểu đồ 4B). Đây là các thiết chế văn hóa, cơ sở hạ tầng thiết thực, phục vụ trực tiếp nhu cầu hằng ngày của người

dân. Nghiên cứu này cũng cho thấy, đóng góp *tiền của* được người dân ưa chuộng nhất khi ủng hộ tu sửa, xây mới các công trình công cộng tại nơi họ cư trú (10.42%). Các hình thức khác như ngày công lao động (0.88%), các nguồn lực khác (1.84%) có tỷ lệ ít hơn (xem Biểu đồ 4C). Ngoài ra, tỷ lệ người dân *tự nguyện* tham gia đóng góp tiền của, công sức và nhiều nguồn lực khác để thực hiện các công trình công cộng cao gấp 4.61 lần so với các hình thức *không tự nguyện* (có yêu cầu từ chính quyền hoặc từ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố)¹⁴. Rõ ràng người dân ở 2 địa phương không hoàn toàn “*đứng ngoài cuộc*” đối với các hoạt động cộng đồng vốn gắn liền với quyền, trách nhiệm cũng như lợi ích chung và của bản thân họ.

Biểu đồ 4: Người dân đóng góp sửa chữa, xây dựng công trình công cộng (%)

Nguồn: ViLEAP thu thập, xử lý¹⁵



Cũng về vấn đề này nhưng ở một chiều cạnh khác, phân tích dữ liệu PAPI năm 2023 cho thấy người dân tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh *rất ít* tham gia bàn bạc, quyết định về kết cấu, thiết kế (5.17%) hoặc cung cấp các ý tưởng ban đầu (2.45%) để tu sửa hoặc xây mới các công trình công cộng. Lý do có thể do các công việc này

có tính chuyên môn, đòi hỏi năng lực mang tính kỹ thuật cao. Do đó không phải mọi người dân đều có thể tham gia góp ý, bàn thảo, quyết định chính xác dù là những công việc chung, vì lợi ích cộng đồng. Phát hiện này nhấn mạnh hệ thống chính trị cấp cơ sở cần thiết kế lại quy trình, cách thức để vẫn có thể huy động tối đa trí tuệ,

12 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

13 Đảng ủy xã Mộ Đạo (2024). Báo cáo tình hình thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở tại xã Mộ Đạo. Bắc Ninh. tr.7.

14 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

15 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

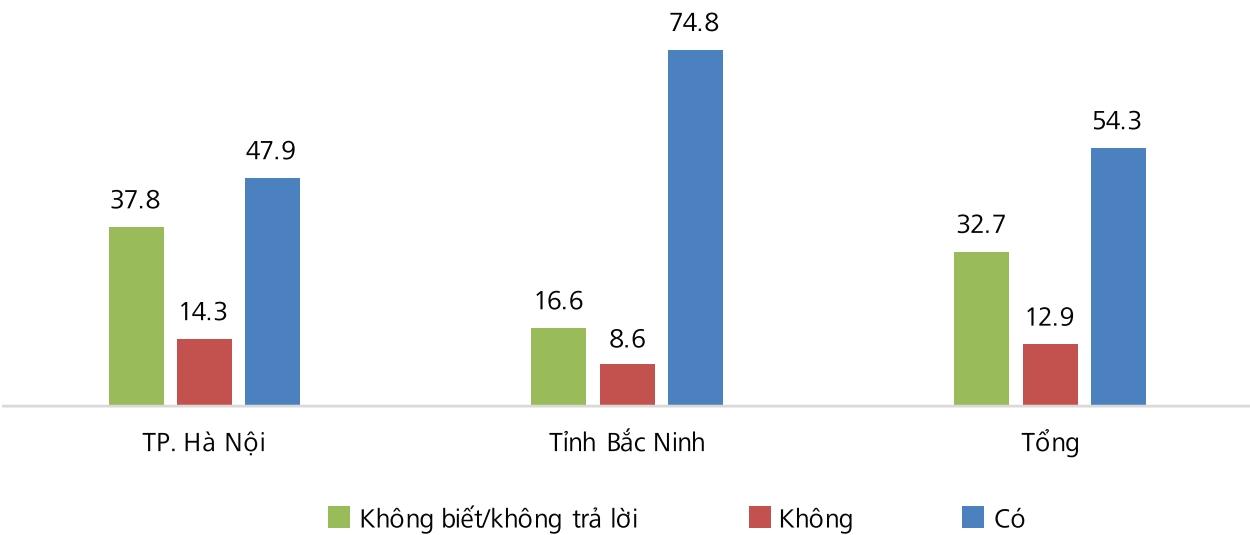
nguồn lực từ trong dân dù đó là các khâu, phần việc chung có độ khó, phức tạp cao trong quá trình thực hiện DCCS.

Kể đến, 54.3% người dân tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh *biết rõ* danh sách hộ nghèo 12 tháng qua đã được chính quyền lựa chọn và xét duyệt một cách công khai. Tỷ lệ này ở TP. Hà Nội là

47.9% và tại tỉnh Bắc Ninh đến 74.8% (*xem Biểu đồ 5*). Đặc biệt, qua phân tích dữ liệu, một tỷ lệ khá cao người dân nắm rõ thông tin hộ nghèo bị bỏ sót (66.5%) hoặc hộ không xứng đáng nhưng lại có tên trong danh sách chính thức hộ nghèo trong 12 tháng qua (69.8%)¹⁶.

Biểu đồ 5: Người dân nắm bắt danh sách bình xét hộ nghèo tại địa phương (%)

Nguồn: ViLEAP thu thập, xử lý¹⁷



Như vậy, kết quả phân tích cho thấy sự tích cực và tham gia chặt chẽ của người dân đối với việc theo dõi, bình xét và đánh giá kết quả bình xét hộ nghèo từ chính quyền cơ sở. Tuy nhiên, kết quả này lại *tương phản* với mức độ tham gia của người dân đối với việc tham gia sửa chữa, xây dựng các công trình công cộng đã được phân tích ở trên. Từ đấy, việc xem xét, đánh giá mức độ tham gia, thực hành DCCS của người dân là công việc phức tạp, thận trọng và cần đánh giá ở từng trường hợp cụ thể để có kết luận chuẩn xác.

Biểu đồ 6 cho thấy mức độ nắm bắt, theo dõi và góp ý của người dân TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh đối với *báo cáo thu - chi tài chính* của chính quyền cấp xã trong 12 tháng qua. Đáng chú ý, theo Biểu đồ 6, có 46.2% người dân *biết* thông tin về việc chính quyền nơi họ cư trú đã công bố công khai thu - chi tài chính (TP. Hà Nội: 42.8%, tỉnh Bắc Ninh: 57.0%). Tuy nhiên mức độ tham gia góp ý sâu thêm vào báo cáo này lại ở mức khiêm tốn. Theo đó, chỉ có 12.9% người dân *đọc* qua các báo cáo thu - chi tài chính và 1.1% *bình luận, góp ý* vào các báo cáo này¹⁸.

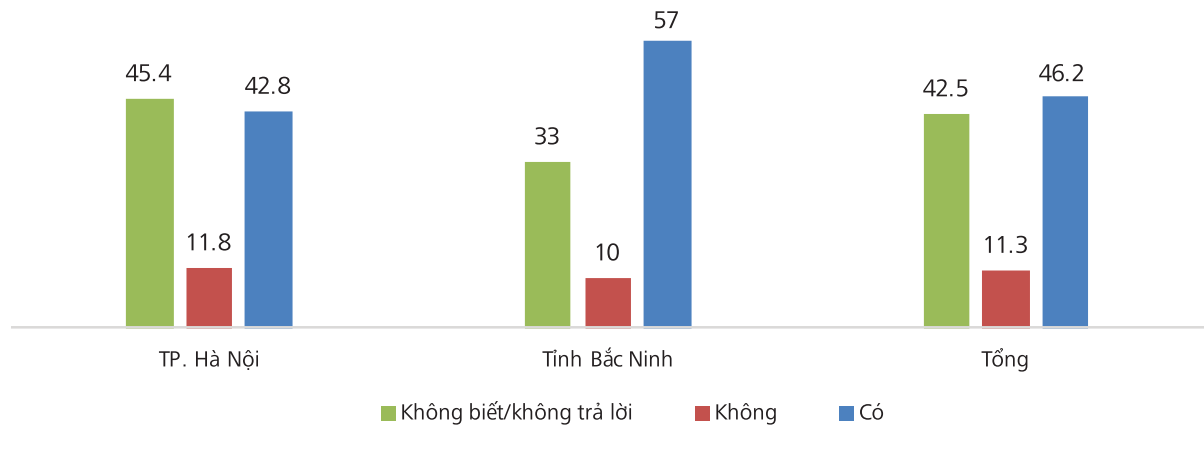
16 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

17 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

18 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

Biểu đồ 6: Người dân nắm bắt tình hình công bố thu - chi tài chính tại địa phương (%)

Nguồn: ViLEAP thu thập, xử lý¹⁹



Tóm lại, trong thực hiện DCCS, mức độ tham gia của người dân là không giống nhau ở cùng một nội dung. Đối với nguyên tắc “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra giám sát và thụ hưởng*”, trên thực tế người dân dường như chỉ mới tham gia ở mức ban đầu (*nghe, biết, đọc, nắm thông tin, theo dõi, v.v.*). Việc tham gia sâu hơn thông qua góp ý, bình luận hay giám sát quá trình giải quyết, thực thi, v.v. tuy có nhưng còn ở mức hạn chế, chưa phổ biến và gặp nhiều khó khăn.

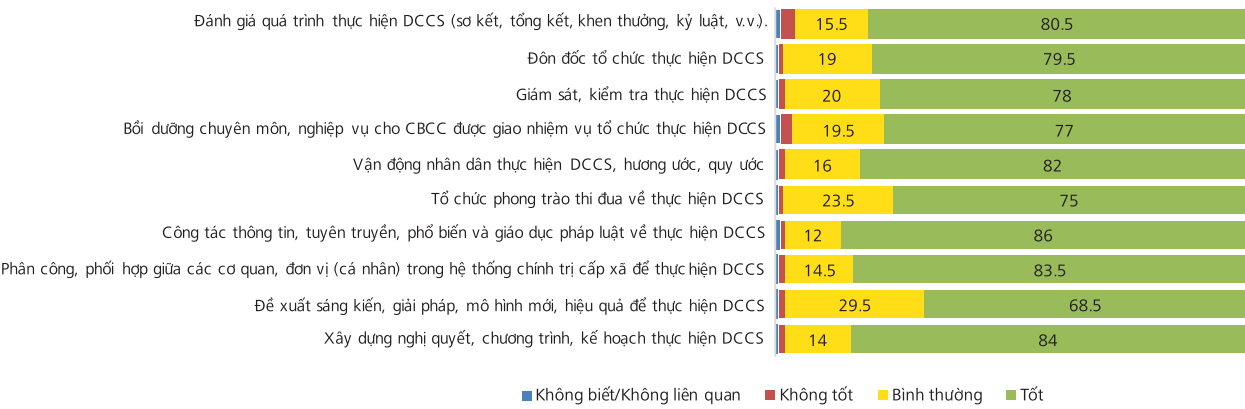
2.2. Vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thực hiện dân chủ cơ sở

2.2.1. Công tác lãnh đạo và quản lý nhằm đảm bảo thực hiện dân chủ cơ sở

Kết quả lãnh đạo, quản lý (LĐQL) của các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp cơ sở nhằm đảm bảo thực hiện DCCS, đặc biệt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 được biểu hiện qua hàng loạt hoạt động quan trọng. Chẳng hạn như hoạch định, thực thi chủ trương, chính sách và pháp luật về DCCS cũng như kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động này, v.v. Khảo sát 200 CBCC tại 4 xã, phường của TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh cho thấy, 10 hoạt động LĐQL sau đây nhằm đảm bảo thực hiện DCCS tại các địa phương này được đánh giá ở mức “tốt” từ 68.5% trở lên (xem Biểu đồ 7).

Biểu đồ 7: Hoạt động LĐQL thực hiện DCCS của hệ thống chính trị cấp cơ sở (%)

Nguồn: Khảo sát ViLEAP



19 Phân tích từ Bộ dữ liệu PAPI năm 2023.

Từ kết quả phỏng vấn sâu người dân và phân tích báo cáo của các xã, phường ở hai địa bàn cho thấy sự nỗ lực và quyết tâm trong lãnh đạo, điều hành nhằm triển khai tốt Luật Thực hiện dân chủ

ở cơ sở năm 2022 của hệ thống chính trị, ban điều hành tổ dân phố, thôn. Hoạt động của hệ thống chính trị xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội là một ví dụ (xem Hộp 1).

Hộp 1: Hệ thống chính trị xã Hát Môn triển khai thực hiện DCCS

Nguồn: Báo cáo của Đảng ủy xã Hát Môn, tháng 7/2024

Hàng quý, Ban Chỉ đạo thực hiện DCCS (Ban Chỉ đạo) tổ chức họp đánh giá tình hình, khi cần thiết có thể họp đột xuất hoặc họp chuyên đề. Để chuẩn bị nội dung các cuộc họp, Ban Thường vụ Đảng ủy xã yêu cầu Thường trực HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc, các cấp ủy, ban, ngành xã và đơn vị trực thuộc báo cáo tình hình, cung cấp tài liệu, thông tin có liên quan về việc tổ chức triển khai xây dựng và thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Các văn bản phục vụ cho các cuộc họp của Ban Chỉ đạo được gửi đến các thành viên ít nhất trước 2 ngày để đảm bảo cuộc họp có chất lượng. Đồng chí Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham gia sinh hoạt đầy đủ và tích cực đóng góp ý kiến. Tùy tính chất của từng cuộc họp, Ban Chỉ đạo có thể mời các đồng chí lãnh đạo hoặc cán bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia dự họp”.

Ngoài ra, Đảng ủy xã duy trì lịch sinh hoạt lồng ghép hàng tháng giữa Ban Chấp hành Đảng bộ và các thành viên Ban Chỉ đạo. Từ đó công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện nội dung, công việc về DCCS luôn được theo dõi đồng bộ, triển khai có hiệu quả.

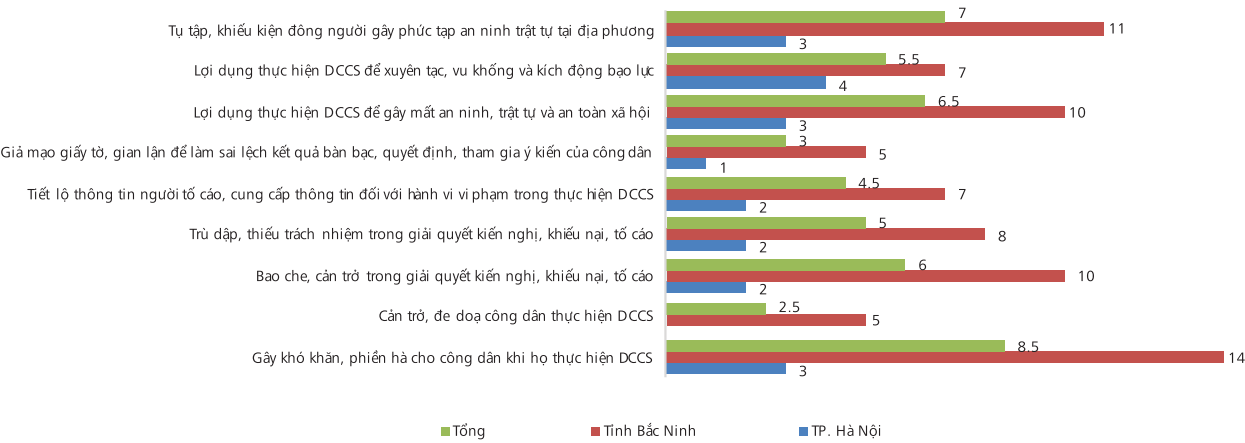
Tuy vậy, Biểu đồ 7 cũng cho thấy, 5 trong số 10 hoạt động lãnh đạo, quản lý sau đây của hệ thống chính trị cấp cơ sở nhằm đảm bảo DCCS có tỷ lệ “tốt” *thấp hơn* so với các hoạt động còn lại: (1) đề xuất sáng kiến, mô hình và giải pháp mới (68.5%), (2) tổ chức phong trào thi đua (75.0%), (3) bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên trách (77.0%), (4) giám sát, kiểm tra (78.0%) và (5) đôn đốc quá trình tổ chức thực thi chủ trương, chính sách về DCCS (79.5%). Điều đó cho thấy, để thực hiện hiệu quả DCCS, hệ thống chính trị cơ sở cần có nhiều cách làm mới, sáng tạo, đột phá hơn để thu hút sự quan tâm của người dân, chú trọng lồng ghép vào các hình thức thi đua trong cộng đồng. Bên cạnh đó, cần có đội ngũ cán bộ có năng lực tốt trong tổ chức thực hiện DCCS (ví dụ như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết phục, hiểu biết pháp luật, kỹ năng số, v.v.). Mặt khác, hệ thống chính trị cơ sở cần chú trọng hơn nữa đến công

tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện các nội dung dân chủ cơ sở. Do đó, kết quả này giúp chỉ ra những phần việc cần được chấn chỉnh, khắc phục ở mỗi địa phương; từ đó góp phần đảm bảo thực hiện DCCS tốt hơn trong thời gian tới.

Biểu đồ 8 phản ánh một số *tồn tại* và *hạn chế* của công tác LĐQL nhằm đảm bảo DCCS tại các địa bàn nghiên cứu. Có 8.5% CBCC được khảo sát cho rằng vẫn còn tình trạng *gây khó khăn, phiền hà cho công dân khi họ thực hiện DCCS*. Kể đến, 7.0% CBCC cho rằng vẫn còn *tụ tập, khiếu kiện đông người tại địa phương* (có thể một phần liên quan đến thực hiện DCCS, nhất là vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm như đất đai).

Biểu đồ 8: Một số tồn tại, khó khăn trong lãnh đạo, quản lý để thực hiện DCCS (%)

Nguồn: Khảo sát ViLEAP



Xem xét các tồn tại, hạn chế này tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, kết quả cho thấy: (1) Tỷ lệ CBCC ở các xã, phường tại tỉnh Bắc Ninh đối mặt với tồn tại, thách thức cao hơn hẳn so với tại TP. Hà Nội, thậm chí cao hơn so với mặt bằng chung; (2). Trong khi TP. Hà Nội cần quan tâm nhiều hơn để giải quyết vấn đề, tồn tại - lợi dụng DCCS để xuyên tạc, vu khống, kích động (4.0%) thì tỉnh Bắc Ninh cần đặc biệt chú ý thực trạng gây khó khăn, phiền hà khi công dân khi thực hiện DCCS (14.0%), tụ tập, khiếu kiện đông người (11.0%), lợi dụng DCCS để gây mất an ninh trật tự cũng như việc bao che, cản trở giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo (10.0%). Một công chức ở phường chia sẻ thêm về khó khăn, tồn tại trên đây: “Sự hiểu biết của người dân về nguyên tắc này [“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra giám sát và dân thụ hưởng”] chưa thực sự sâu rộng, hoặc hiểu chưa đúng, nhất là khái niệm “dân kiểm tra giám sát” và “dân thụ hưởng” nên nhiều đối tượng xấu lợi dụng để kích động người dân cản trở việc thực hiện công vụ, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước.” (Nam, 43 tuổi, TP. Hà Nội, công chức văn phòng - thống kê, UBND phường).

Trong thực hiện DCCS, việc phối hợp và hỗ trợ của các chủ thể trong hệ thống chính trị cấp xã đặc biệt quan trọng. Bảng 3 phản ánh

ý kiến của CBCC về 5 mối quan hệ lãnh đạo, điều hành, phối hợp và hỗ trợ nhau của các cơ quan cùng cấp hoặc thứ bậc trong hệ thống chính trị xã, phường, ở tổ dân phố, thôn tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh. Nhìn chung, các mối quan hệ này được đội ngũ CBCC đánh giá “tốt” với tỷ lệ khá cao (từ 81.0%). Qua nghiên cứu thực địa, nhiều địa phương đã đạt kết quả tích cực trong thực hiện DCCS nhờ vào sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị cơ sở với nhau, và với các thiết chế tự quản quần chúng. Câu chuyện tại xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội là một ví dụ (xem Hộp 2).

Hộp 2: Câu chuyện về cơ chế phối hợp hiệu quả trong giám sát dự án cộng đồng

Nguồn: Báo cáo của Đảng ủy xã Hát Môn, tháng 7/2024

Tại xã Hát Môn, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và nội dung giám sát theo quy định, trong đó tập trung chủ yếu là giám sát thực hiện các dự án đầu tư, các công trình xây dựng trên địa bàn; việc thu, chi các loại quỹ, lệ phí, các khoản đóng góp của nhân dân; công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn; giám sát thường xuyên các công trình, dự án trên địa bàn. Thông qua giám sát, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã kịp thời đề xuất, kiến nghị với chủ đầu tư, cấp có thẩm quyền và đơn vị thi công điều chỉnh một số thiết kế phù hợp với tình hình thực tế. Đáng chú ý, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã phát hiện 01 vụ việc nhà thầu sử dụng các tấm đan bằng chất liệu composit của công trình nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cầu H8 đến đền Hát Môn thờ Hai Bà Trưng không đảm bảo chất lượng. Ban đã đề nghị với chính quyền và chủ đầu tư cho kiểm tra chất lượng các tấm đan tại Viện Khoa học công nghệ. Sau khi có kết luận của Viện các tấm đan không đảm bảo chất lượng, chủ đầu tư đã phải thay toàn bộ tấm đan của tuyến đường.

Tuy nhiên, một số mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ thực hiện DCCS chưa tốt cũng được chỉ ra. Về tổng thể, sự phối hợp giữa các cơ quan sau đây có tỷ lệ đánh giá “không tốt” cao nhất, gồm: HĐND và UBND (19.0%); giữa cấp ủy, HĐND và UBND (14.5%); giữa UBND và ban điều hành khu phố, thôn (14.5%). Tại TP. Hà Nội, các vấn đề này được lặp lại và thống kê cũng cho thấy cơ chế phối hợp thiếu hiệu quả nhất chính là giữa HĐND và UBND (21.0%). Trong khi đó, ở tỉnh Bắc Ninh, cơ chế phối hợp thiếu hiệu quả nhất là giữa UBND và ban điều hành tổ dân phố, thôn (18.0%) (xem Bảng 3).

Bảng 3: Mối quan hệ lãnh đạo, phối hợp và hỗ trợ giữa các cơ quan trong thực hiện DCCS

Nguồn: Khảo sát ViLEAP

Chủ thể trong hệ thống chính trị cấp cơ sở	Đánh giá	TP. Hà Nội		Tỉnh Bắc Ninh		Tổng	
		n	%	n	%	n	%
1. Cấp ủy, HĐND và UBND cấp xã	Không tốt	12	12.0	17	17.0	29	14.5
	Tốt	88	88.0	83	83.0	171	85.5
2. HĐND và UBND	Không tốt	21	21.0	17	17.0	38	19.0
	Tốt	79	79.0	83	83.0	162	81.0
3. UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã	Không tốt	8	8.0	14	14.0	22	11.0
	Tốt	92	92.0	86	86.0	178	89.0
4. UBND và ban điều hành tổ dân phố, thôn	Không tốt	11	11.0	18	18.0	29	14.5
	Tốt	89	89.0	82	82.0	171	85.5
5. UBND, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã cùng ban điều hành tổ dân phố, thôn	Không tốt	8	8.0	17	17.0	25	12.5
	Tốt	92	92.0	83	83.0	175	87.5

Thông qua tọa đàm chuyên sâu và phân tích báo cáo của các địa phương, một số bất cập, vướng mắc trong phối hợp thực hiện DCCS có một phần nguyên nhân từ thể chế, quy định hiện hành. Tại Điểm c, Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ²⁰ quy định: “trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận” là chưa phù hợp vì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đóng vai trò là người thực thi, trong khi Ban Công tác Mặt trận và trường Ban Công tác Mặt trận là đơn vị giám sát hoạt động của cán bộ, đảng viên, của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Ngoài ra, tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 3 của Nghị định này còn quy định: “Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố ủy quyền cho thành viên Ban Công tác Mặt trận” cũng chưa hợp lý, bởi việc ủy quyền

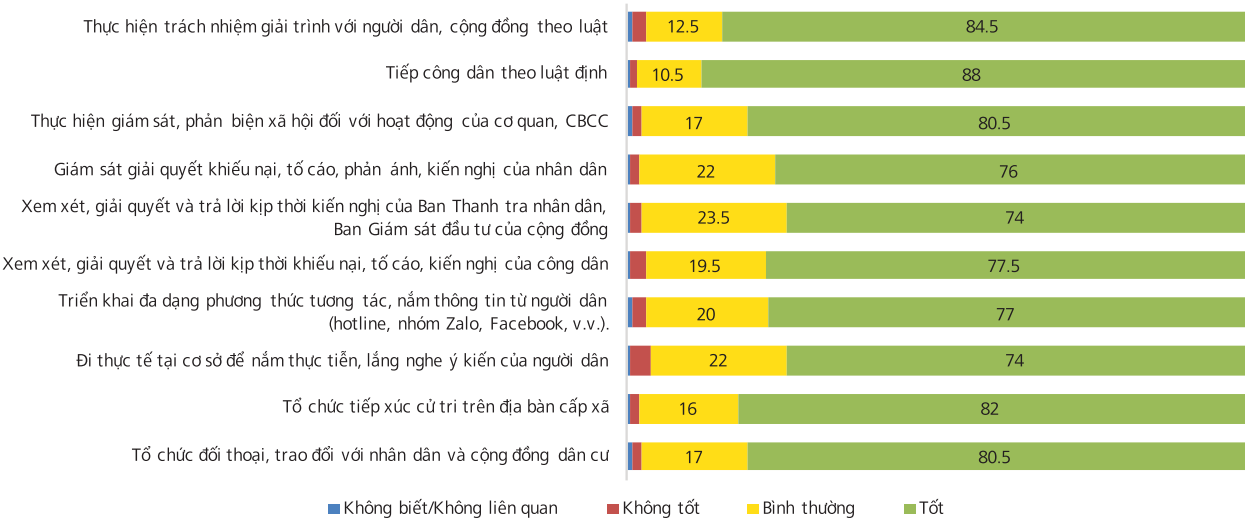
trong thực thi nhiệm vụ là cấp trên ủy quyền cho cấp dưới, không thể ủy quyền cho cá nhân (đơn vị) không thuộc thẩm quyền của mình²¹.

2.2.2. Thực hiện chức trách và nhiệm vụ theo luật định để đảm bảo dân chủ cơ sở

Khảo sát CBCC tại TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh cho thấy, mức đánh giá “tốt”, “rất tốt” trong thực hiện 10 chức trách, nhiệm liên quan đến đảm bảo DCCS theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đạt từ 74.0% (xem Biểu đồ 9). Tổng hợp ý kiến phỏng vấn sâu 45 người dân tại các xã, phường của 2 địa phương này, nhiều ý kiến cho rằng: Cán bộ, lãnh đạo rất tốt, rất bài bản và nhiệt tình, làm tốt [trong triển khai thực hiện DCCS].

Biểu đồ 9: Thực hiện chức trách, nhiệm vụ để đảm bảo DCCS theo ý kiến CBCC (%)

Nguồn: Khảo sát ViLEAP



Tuy vậy, 5 trong số 10 chức trách, nhiệm vụ sau đây của hệ thống chính trị cơ sở cùng đội ngũ CBCC cấp này có tỷ lệ “tốt” thấp nhất lần lượt là: (1) đi thực tế tại cơ sở để lắng nghe ý kiến người dân (74.0%), (2) xem xét, giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng (74.0%), (3) giám sát giải quyết kiến nghị, khiếu nại và tố cáo (76.0%), (4)

triển khai đa dạng phương thức tương tác, nắm bắt thông tin với người dân qua hotline, mạng xã hội (77.0%) và (5) xem xét, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân (77.5%). Qua phỏng vấn sâu CBCC, được biết việc thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tuy có nỗ lực, chuyển biến tích cực, đảm bảo đúng luật định nhưng vẫn còn nhiều

20 Chính phủ (2023). Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Hà Nội.

21 Tham khảo thêm: Đảng ủy phường Cổ Nhuế 2 (2024). Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Cổ Nhuế 2. Hà Nội, tr.5.

vụ việc tồn đọng, kéo dài. Chia sẻ của một công chức phường giúp làm rõ hơn thực tế này: “[tiếp dân, giải quyết khiếu kiện còn] tồn đọng, kéo dài một phần do cán bộ luân chuyển liên tục không nắm rõ tình hình địa phương, đặc biệt lĩnh vực đất đai, cấp giấy chứng nhận, quản lý công ích.” (Nam, 58 tuổi, TP. Hà Nội, công chức UBND phường). Từ thực tế trên, nhóm nghiên cứu cho rằng, trong đảm bảo DCCS, hệ thống chính trị không chỉ xem xét, giải quyết kịp thời kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân mà còn cần giám sát chặt chẽ kết quả giải quyết quá trình này, dù đây là vấn đề khó và phức tạp.

Bảng 4 cho thấy mức độ hoàn thành 5 chức trách, nhiệm vụ nêu trên của đội ngũ CBCC trong hệ thống chính trị cơ sở, ban điều hành tổ dân

phố, thôn nhằm đảm bảo DCCS được so sánh giữa TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, 2 địa phương cần quan tâm đến việc đảm bảo DCCS thông qua triển khai các phương thức tương tác, nắm thông tin từ người dân qua mạng xã hội cũng như giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra Nhân dân hoặc Ban Giám sát của cộng đồng (tỷ lệ đánh giá “không tốt”: 2.0%/ địa phương). Ngoài ra, trong khi TP. Hà Nội cần coi trọng hơn công tác giám sát quá trình *giải quyết và trả lời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân* (tỷ lệ “không tốt”: 2.0%) thì tỉnh Bắc Ninh cần chú ý việc *tăng cường đi thực tế tại cơ sở để lắng nghe ý kiến nhân dân* (5.1%) cũng như *xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân* (3.0%).

Bảng 4: Mức độ thực hiện chức trách, nhiệm vụ nhằm đảm bảo DCCS xét theo địa phương (%)

Nguồn: Khảo sát ViLEAP

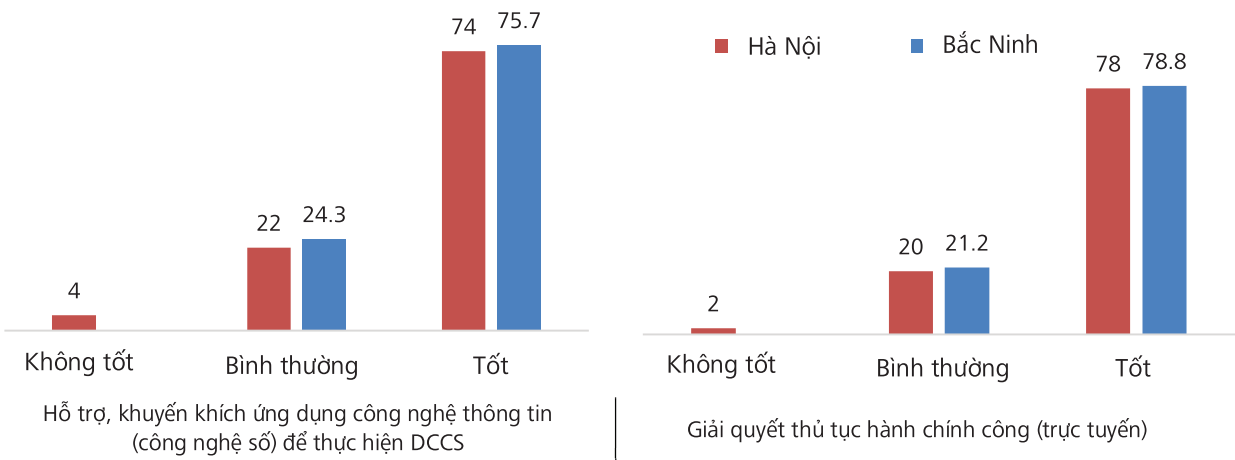
Một số chức trách, nhiệm vụ liên quan đến DCCS	Đánh giá	Địa phương	
		TP. Hà Nội	Tỉnh Bắc Ninh
Đi thực tế tại cơ sở để nắm thực tiễn, lắng nghe ý kiến của người dân	Không tốt	2.0	5.1
	Bình thường	23.0	21.2
	Tốt	75.0	73.7
Triển khai đa dạng phương thức tương tác, nắm thông tin từ người dân (hotline, nhóm Zalo, Facebook, v.v.).	Không tốt	2.0	2.0
	Bình thường	19.0	21.4
	Tốt	79.0	76.5
Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân	Không tốt	2.0	3.0
	Bình thường	18.0	21.2
	Tốt	80.0	75.8
Giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của nhân dân	Không tốt	2.0	1.0
	Bình thường	18.0	26.3
	Tốt	80.0	72.7
Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Không tốt	2.0	2.0
	Bình thường	21.0	26.3
	Tốt	77.0	71.7

Cải thiện mối quan hệ công vụ giữa các cấp chính quyền và người dân; đồng thời thúc đẩy thực hiện DCCS trong bối cảnh số là vấn đề cần được đặc biệt quan tâm ở Việt Nam^{22 23}. Luật Thực hiện Dân chủ ở cơ sở năm 2022 cũng nhấn mạnh: “Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số”²⁴. Khảo sát

vấn đề này, kết quả cho thấy, tỷ lệ trung bình ý kiến của CBCC ở 2 địa phương cho rằng hệ thống chính trị cơ sở đã thực hiện “tốt” việc hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin (công nghệ số) để thực hiện DCCS là %74.9. Tỷ lệ này ở việc giải quyết thủ tục hành chính công trên môi trường trực tuyến (điện tử) là 78.4%. Mức đánh giá “không tốt” về các nội dung này dưới 5.0% (xem Biểu đồ 10).

Biểu đồ 10: Thúc đẩy và tận dụng công nghệ số để cải thiện và phát huy DCCS (%)

Nguồn: Khảo sát ViLEAP



Tuy nhiên, Biểu đồ 10 cũng cho thấy, TP. Hà Nội dù đạt được nhiều thành quả trong hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số thực hiện DCCS cũng như cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhưng tỷ lệ CBCC đánh giá 2 nội dung này ở mức “không tốt” cao hơn so với tỉnh Bắc Ninh, lần lượt là 4.0% và 2.0%. Chênh lệch không đáng kể nhưng có thể đặt ra giả định rằng, với tiến trình đô thị hóa cao, nhanh chóng và là trung tâm chính trị của quốc gia, TP. Hà Nội dường như đang chịu khá nhiều sức ép, áp lực đến từ sự kỳ vọng ngày càng lớn

của người dân so với các địa phương khác trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để cải thiện phương thức thực hành DCCS và quản trị hiện đại. Chuyển đổi số và công nghệ số mở ra những cơ hội, không gian, phương pháp và phương tiện mới để thúc đẩy DCCS cho người dân. Kỳ vọng của người dân tương đối cao. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi sang mô hình quản trị số hiện đại, bao gồm đảm bảo DCCS trong kỷ nguyên số tại Hà Nội và Bắc Ninh vẫn còn nhiều thách thức.

22 Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

23 Tham khảo: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

24 Khoản 5, Điều 8, Luật Thực hiện Dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Khi xem xét trách nhiệm và vai trò của CBCC trong hệ thống chính trị cấp cơ sở thì vai trò của các thiết chế tự quản cộng đồng cũng cần được phân tích. Qua phân tích các báo cáo cũng như thông tin thu được từ phỏng vấn sâu, hầu hết các ý kiến đánh giá Ban Thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã thực hiện tương đối tốt, nhiệt tình, trách nhiệm cao trong việc đại diện người dân địa phương tham gia giám sát quá trình triển khai các dự án xây dựng công cộng (cầu, đường, trường học, nhà văn hóa, công viên, khu vui chơi, v.v.). Tuy nhiên, các tổ chức này cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc khác nhau. Đó là tình trạng thiếu kinh phí hỗ trợ, khó tìm người khi cần thay thế, bổ sung; thiếu chuyên môn chuyên sâu (tài chính, thiết kế, xây dựng cơ bản, v.v.); thành viên đa phần tuổi tác cao, cán bộ hưu trí, v.v. Mặt khác, với các xã, phường có địa bàn phân tán, diện tích rộng, chia cắt dân cư thì với cơ cấu, số lượng, cách thức bầu, bổ sung nhân sự như hiện tại, các thiết chế này khó có thể phát huy hiệu quả một cách sâu rộng. Chia sẻ của một công chức sẽ làm rõ hơn vấn đề này: *“Ban Thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả, phát huy đầy đủ nhiệm vụ. Tuy nhiên hiện nay không có phụ cấp dành cho các thành viên do vậy không khuyến khích được người dân tham gia. Đồng chí Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc không được giữ chức danh Trưởng ban Thanh tra Nhân dân nói riêng và cán bộ không chuyên trách không được giữ chức danh Trưởng ban Thanh tra Nhân dân khiến việc quy tụ khi thực hiện nhiệm vụ khó khăn.”* (Nam, 33 tuổi, TP. Hà Nội, công chức Tư pháp, UBND phường).

2.3. Yếu tố tác động đến sự tham gia của người dân và vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở đối với thực hiện dân chủ cơ sở

Qua khảo sát 200 CBCC của TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, nghiên cứu này đã xác định một số yếu tố khác nhau, có ảnh hưởng đến hiệu lực,

hiệu quả thực hiện DCCS. Khẳng định này thống nhất với ý kiến sau của một số cán bộ phường, chẳng hạn: *“các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện DCCS rất đa dạng cả khách quan và chủ quan, như chênh lệch về trình độ dân trí từng khu vực khác nhau, ý thức chấp hành pháp luật, phong tục, tập quán”* (Nam, 48 tuổi, TP. Hà Nội, Chủ tịch UBND phường), cụ thể hơn *“trình độ dân trí, kỹ năng thực hành dân chủ và ý thức trách nhiệm của người dân là điều kiện cần thiết có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tham gia của người dân”* (Nữ, 44 tuổi, tỉnh Bắc Ninh, lãnh đạo Đoàn Thanh niên xã).

Các yếu tố này có thể được phân thành 3 nhóm chính:

2.3.1. Nhóm yếu tố thuộc về đặc điểm của người dân

Kết quả khảo sát cho thấy một số yếu tố thuộc về đặc điểm của người dân như trình độ dân trí (94.8%), tiềm lực kinh tế hay năng lực tài chính (88.1%), sự quan tâm và kỳ vọng của họ về DCCS (88.1%). Theo ý kiến của CBCC, đây là yếu tố tác động mạnh nhất đến quá trình thực hiện DCCS. Phân tích báo cáo từ các địa phương cung cấp đều có chung một số nhận định, chẳng hạn: *“nhận thức của một số người dân chưa tốt, chưa nắm rõ quyền được làm chủ với kỷ cương pháp luật. Những nội dung theo quy định của luật chỉ là xin ý kiến đóng góp thì lại đề nghị phải được thực hiện theo nguyện vọng của mình”, “thậm chí một số người dân không quan tâm, đặc biệt những nội dung không trực tiếp liên quan hoặc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của họ”²⁵, hoặc “một số người chưa thực sự hiểu hoặc cố tình hiểu sai quy định của Luật [Thực hiện dân chủ cơ sở], có hành vi thực hiện hoặc đòi hỏi chưa đúng với quyền lợi theo Luật; có người chưa quan tâm vì cho rằng không ảnh hưởng gì đến mình”²⁶.*

Ngoài ra, đặc điểm sinh kế của các hộ dân ở mỗi địa bàn cũng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả triển khai Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và mức độ tham gia của họ vào các hoạt động DCCS. Nhiều địa phương có đông người

25 Đảng ủy xã Mộ Đạo (2024). Báo cáo tình hình thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở tại xã Mộ Đạo. Bắc Ninh. tr.9.

26 Đảng ủy phường Cổ Nhuế (2024) 2). Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Cổ Nhuế 2. Hà Nội, tr.4.

dân đi làm tại các khu công nghiệp, người trẻ, người trong độ tuổi lao động “*vẫn chưa thực sự quan tâm [thực hiện DCCS] do mãi mê với công việc, kiếm sống và mưu sinh*” (Nữ, 44 tuổi, TP. Hà Nội, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc phường). Vì vậy, họ không có nhiều thời gian để tham các buổi sinh hoạt, họp cụm dân cư, sinh hoạt cộng đồng, các hội nghị dân cư của thôn, hội nghị tiếp xúc cử tri khiến số lượng tham dự ít, thành phần chủ yếu là người cao tuổi^{27 28}.

Đáng chú ý, phân tích các báo cáo do các địa phương cung cấp cũng như kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu và từ dữ liệu gốc PAPI năm 2023, “lợi ích” và “sự kỳ vọng” là yếu tố chi phối mạnh đến mức độ quan tâm, sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình thực hiện DCCS. Về vấn đề này, một người dân chia sẻ: “*Một số người dân khi ảnh hưởng đến quyền lợi sát sườn của họ [họ] mới quan tâm đến thực hiện DCCS.*” (Nam 63 tuổi, tỉnh Bắc Ninh, tiểu thương, phường VN). Cụ thể hơn, một số CBCC đã chia sẻ, thậm chí đưa ra tình huống cụ thể để làm rõ cho thực tế này: “*nội dung liên quan đến quyền lợi sát sườn của người dân được nhân dân tham gia nhiều hơn như công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu các loại quỹ*” (Nam, 48 tuổi, TP. Hà Nội, Chủ tịch UBND phường), hoặc “*Người dân quan tâm nhất trên địa bàn phường là giá đền bù đường Tây Thăng Long đoạn từ Văn Tiến Dũng đến Phạm Văn Đồng. Khoảng 300 hộ dân đang sinh sống trên đất cha ông để lại chủ yếu là nông dân và thợ may. Diện tích nhà đất sau khi bị thu hồi tính giá đền bù không đủ mua căn hộ chung cư vì vậy người dân rất quan tâm và lo lắng sau khi [đất] bị thu hồi.*” (Nam, 33 tuổi, TP. Hà Nội, công chức tư pháp, UBND phường).

Rõ ràng, các nội dung, công việc được khuyến khích để người dân nắm bắt (biết), tham gia ý kiến, bàn bạc, thảo luận, quyết định, giám sát, v.v. đều hướng đến mục tiêu cao nhất “dân thụ hưởng”. Tuy vậy, mối liên hệ chặt chẽ, tự thân, hài hòa giữa lợi ích “cá nhân - tập thể”, giữa lợi ích “tôi” (riêng) và lợi ích “ta” (chung) trong từng công việc, nội dung khi DCCS vẫn chưa được nhận thức thấu đáo. Điều này cũng có lý bởi

trong thực hiện DCCS, người dân quan tâm lớn nhất đến các vấn đề gần gũi với họ (cả về mặt địa lý lẫn lợi ích). Đây chính là động lực quan trọng thúc đẩy họ tham gia vào thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá, góp ý, thậm chí đóng góp nguồn lực và tham gia triển khai các chương trình và chính sách phát triển tại địa phương.

2.3.2. Nhóm yếu tố thuộc về năng lực và vai trò lãnh đạo, điều hành dân chủ cơ sở của hệ thống chính trị cấp xã

Qua kết quả khảo sát 200 CBCC, một số yếu tố thuộc nhóm này được nêu ra, bao gồm: trách nhiệm của người đứng đầu (88.6%), sự phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp xã (87.0%), nêu gương của CBCC và đảng viên về thực hành dân chủ (trong thực thi công vụ và với người dân) (85.0%) và năng lực tổ chức thực thi chính sách, pháp luật về DCCS (84.5%). Làm rõ hơn cho phát hiện này, ý kiến của một cán bộ đoàn thể ở phường chia sẻ: “*Trong các yếu tố thì yếu tố thuộc về hệ thống chính trị rất quan trọng. Vì trong đó năng lực của đội ngũ CBCC xã có ảnh hưởng đến việc thực hiện dân chủ ở xã như trình độ, kiến thức, việc tiếp thu, nắm bắt và giải quyết các ý kiến của nhân dân như thế nào, nhân dân có tin tưởng vào hệ thống chính trị ở xã hay không. Nếu tin tưởng [vào năng lực đội ngũ cán bộ, công chức] Nhân dân sẽ chấp hành và thực hiện tốt [nội dung DCCS].*” (Nữ, 44 tuổi, TP. Hà Nội, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc phường).

Phân tích báo cáo của các địa phương cung cấp cho thấy, sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm của cán bộ khu dân cư, của các thiết chế tự quản quần chúng không thiếu nhưng năng lực của họ còn nhiều hạn chế. Do đó khi tuyên truyền, giải thích các vấn đề để liên quan đến thực hiện DCCS chưa được cụ thể, rõ ràng và thuyết phục được người dân. Cán bộ tham gia Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chủ yếu kiêm nhiệm, không được đào tạo thường xuyên, không có chuyên môn sâu nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân nhiều việc còn lúng túng. Ngoài ra, qua các báo cáo từ một số

27 Đảng ủy xã Mộ Đạo (2024). Tlđd. Bắc Ninh. tr.9.

28 Đảng ủy xã Hát Môn (2024). Báo cáo tình hình thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở. Hà Nội, tr.1.

địa phương, hệ thống chính trị cơ sở một số nơi còn thiếu sát sao, chưa quan tâm đến công tác sơ kết, tổng kết, tổ chức hội nghị biểu dương, khen thưởng kịp thời những điển hình tiêu biểu nhằm động viên khích lệ và tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư về triển khai thực hiện DCCS²⁹. Trong giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo ở một số địa phương có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm. Vai trò kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở một số cơ sở chưa mạnh, thậm chí có nơi còn mờ nhạt, hình thức³⁰.

2.3.3. Nhóm yếu tố thuộc về điều kiện và môi trường khách quan

Kết quả khảo sát cho thấy, 82.4% CBCC được khảo sát tại 4 xã, phường của TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh cho rằng điều kiện tiếp cận thông tin - cả trực tiếp và trên môi trường số ảnh hưởng đáng kể đến đảm bảo thực hiện DCCS. Trong điều kiện chuyển đổi số như hiện nay, việc đảm bảo DCCS gắn với tận dụng thành tựu công nghệ số và tạo cơ hội, điều kiện một cách công bằng cho các nhóm xã hội khác nhau, đặc biệt nhóm chịu nhiều thiệt thòi cũng là yếu tố đáng quan tâm. Ngoài ra, khảo sát cũng cho thấy, các yếu tố khác gồm điều kiện địa lý tự nhiên (71.0%), hay đặc điểm cơ cấu tôn giáo (62.2%), cơ cấu dân tộc (57.0%) trong cấu trúc dân số của mỗi địa phương cũng ảnh hưởng đến việc đảm bảo DCCS và khả năng tham gia, thực hành các quyền, trách nhiệm của người dân về DCCS theo luật định.

Phân tích báo cáo do một số xã, phường được chọn nghiên cứu của TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh cung cấp, *một số yếu tố khách quan khác* cũng được chỉ ra:

- *Cơ sở vật chất.* Nhiều phường có dân số đông, hội trường, cơ sở vật chất không thể phục vụ việc họp hành, hội nghị theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 (phải trên 50% số hộ dân) do *“nhà văn hóa không đáp ứng được yêu cầu (tổ chức hội nghị) về số lượng, có mời ra nhưng không đủ chỗ ngồi”*³¹. Trong khi đó

việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thông tin, bàn bạc, thảo luận, lấy ý kiến, biểu quyết trực tuyến dù đã được luật hóa, khuyến khích nhưng thực thi cũng là một thách thức. Một phần nguyên nhân được chỉ ra là: *“Đội ngũ lãnh đạo tổ dân phố đa số là cao tuổi, về nghỉ hưu theo chế độ nên việc thực hiện nhiệm vụ [về DCCS] còn chậm, chưa khoa học.”* (Nữ, 40 tuổi, tỉnh Bắc Ninh, công chức tư pháp, UBND xã).

- *Chế độ chính sách hỗ trợ những người tổ chức thực thi DCCS.* Các quy định về chính sách, phụ cấp hỗ trợ cho thành viên trong các ban (Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng), thôn, tổ dân phố, v.v. chậm được thể chế hóa, trong khi đó địa phương thiếu nguồn lực, hoặc chưa thể hỗ trợ kịp thời.

- *Tính phức tạp của việc đảm bảo thực hiện DCCS* ảnh hưởng đáng kể đến mức độ tham gia, hưởng ứng và đóng góp của người dân. Tỷ lệ rất thấp người dân (hộ gia đình) cung cấp ý tưởng thiết kế ban đầu hoặc tham gia bàn bạc, quyết định kết cấu thiết kế xây dựng, sửa chữa các công trình công cộng. Tương tự, rất ít người dân đọc, góp ý hoặc bình luận vào các báo cáo tài chính được công khai hằng năm của chính quyền cấp xã. Từ phát hiện này, hệ thống chính trị cơ sở cần nhận thức rằng việc mở rộng, phát huy DCCS như là *“chìa khóa vàng”* giúp tháo gỡ các thách thức trong quản trị địa phương. Để làm được điều này, cấp ủy, chính quyền và đoàn thể cấp xã cần *“đơn giản hóa”* hơn những nội dung, công việc khó, phức tạp trong thực hiện DCCS bằng quy trình, biện pháp được thiết kế, triển khai linh hoạt, sáng tạo giúp người dân dễ tiếp cận và tham gia hơn. Ngoài ra, đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành đối với hệ thống chính trị cơ sở cũng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

29 Đảng ủy xã Mộ Đạo (2024). Tlđd. Bắc Ninh. tr.7.

30 Thị ủy Quế Võ (2024). Kết quả thực hiện dân chủ cơ sở từ năm 2020 đến năm 2024. Bắc Ninh, tr.9-10.

31 Đảng ủy phường Cổ Nhuế 2 (2024). Tlđd. Hà Nội, tr.5.

Phần III: Giải pháp và khuyến nghị

3.1. Một số đề xuất giải pháp

3.1.1. Nhóm giải pháp liên quan đến sự tham gia của người dân trong thực hiện dân chủ cơ sở

1. Đổi mới hình thức, phương tiện và nội dung truyền thông đối với người dân cũng như vận động họ hưởng ứng tích cực việc thực hiện DCCS. Cụ thể:

- Đối tượng tuyên truyền cần chú ý nhiều đến nhóm thanh thiếu niên, nhóm trong độ tuổi lao động và nhóm chịu nhiều thiệt thòi.

- Hình thức và phương tiện truyền thống như tờ rơi, áp phích, qua cuộc họp cộng đồng, đối thoại, tiếp xúc cử tri, phát thanh và hiện đại với các ứng dụng số, truyền thông số, qua mạng xã hội (Youtube, Facebook, Zalo, Instagram) của các thôn, tổ dân phố, hội đoàn, v.v. Ngoài ra, cần kết hợp truyền thông qua hội thi, sân khấu hóa, sáng tác thơ ca, lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của các câu lạc bộ văn nghệ, hội người cao tuổi, nhóm hưu trí, v.v. Một cụ ông gợi ý một vấn đề có tính nguyên tắc trong tổ chức thực hiện DCCS (trong đó có truyền thông): *“dân chủ cơ sở thời kỳ kinh tế thị trường thì hình thức, phương pháp phải khác.”* (Nam, 63 tuổi, tỉnh Bắc Ninh, lãnh đạo ban điều hành khu phố).

Mặt khác, việc tuyên truyền, cổ động cần tích hợp, lồng ghép linh hoạt vào các sự kiện, chương trình quan trọng của chung địa bàn dân cư³² như xây dựng “tuyến đường kiểu mẫu”, phong trào “dân vận khéo” và thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia³³.

- Nội dung truyền thông, cần chú ý làm rõ, sâu sắc về những nhận thức, hành vi lệch lạc, sai trái của 1 bộ phận người dân về thực hiện DCCS cũng như âm mưu, thủ đoạn của các thế lực chống phá lợi dụng thực hiện quyền dân chủ, chủ trương mở rộng và phát huy DCCS ở Việt Nam để xuyên tạc, kích động, nhất là trên không gian mạng.

2. Nghiên cứu, thí điểm thành lập mô hình “Tổ cộng đồng tự quản thực hiện DCCS” bên cạnh Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Mô hình “Tổ cộng đồng tự quản thực hiện DCCS” được đề xuất với những ý tưởng ban đầu như sau:

- *Để xứng thành lập và nhiệm vụ:* Cá nhân (nhóm), tổ chức tại địa bàn dân cư (cấp xã, thôn, tổ dân phố) quan tâm giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng đều có thể đề xuất thành lập. Tổ này được lập ra để giải quyết nhiều vấn đề bức thiết, đa dạng, phức tạp nhưng gần gũi, có tính thời vụ, theo từng vụ việc cụ thể phát sinh tại cộng đồng. Chẳng hạn như giám sát thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại trường học, điều tiết giao thông, tiêm chủng và y tế, cải tạo cảnh quang môi trường, phòng chống trộm cắp, bài trừ tệ nạn xã hội, quản trị đời sống ở khu chung cư, v.v. Các vấn đề này phong phú, bức thiết nhưng không phải vấn đề nào Ban Thanh tra Nhân dân hoặc Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cũng đủ thẩm quyền, năng lực và nguồn lực để giải quyết.

32 Ví dụ tại Hội Cựu chiến binh phường Cổ Nhuế 2 (quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội) có mô hình: “Cựu chiến binh tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông cổng trường học” phối hợp cùng các lực lượng chức năng khác như công an, trật tự, v.v. tham gia phân luồng giao thông tại các cổng trường học vào giờ cao điểm, giảm đáng kể tình trạng ùn tắc giao thông trên địa bàn.

33 Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- *Tư cách (pháp lý)*: Ban đầu mô hình này nên được “bảo trợ” (quản lý, theo dõi, hỗ trợ) bởi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc một tổ chức chính trị - xã hội có chức năng liên quan đến vấn đề mà Tổ giải quyết; không cần bầu cử từ cộng đồng dân cư như các tổ chức tự quản hiện nay; ưu tiên thủ tục thành lập gọn, linh hoạt. Ví dụ: “Tổ cộng đồng tự quản” giúp đỡ phụ nữ bị bạo lực gia đình có thể được Hội Liên hiệp phụ nữ cấp xã “bảo trợ” về tư cách.

- *Thành viên*: Người đề xướng, sáng lập; cá nhân (nhóm); người có uy tín tham gia tự nguyện, ủng hộ mục tiêu, cách thức giải quyết vấn đề mà Tổ đặt ra khi thành lập và có thể có thêm đại diện cơ quan “bảo trợ”. Số lượng thành viên không cố định và không quy định nhiệm kỳ. Tổ tự giải thể khi vấn đề mà tổ theo đuổi được giải quyết.

- *Kinh phí hoạt động*: Có thể được cấp hoặc tài trợ hoặc không có.

- *Hoạt động chủ yếu*: Giám sát, hỗ trợ thực hiện hoặc kêu gọi, huy động cộng đồng tham gia cùng giải quyết các vấn đề xã hội tại nơi cư trú, vì lợi ích chung.

- *Nguyên tắc vận hành*: 1- Khả năng tiếp cận (thông tin, tài liệu, v.v.); 2- Tính bản địa (địa bàn hóa); 3- Đơn giản, linh hoạt và không hành chính hóa; 4- Nhân tố hỗ trợ (về địa vị pháp lý, quyền hạn, tài chính, v.v.) và 5- Tự nguyện vì lợi ích cộng đồng.

- *Sự khác biệt*: Mỗi Tổ khi thực hiện nhiệm vụ được tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về vấn đề cần giải quyết. Nhiệm vụ này có thể do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc tổ chức “bảo trợ”, đơn vị có chuyên môn hỗ trợ tập huấn. Từ đây năng lực thực hành DCCS (kỹ năng giám sát, thực hiện nhiệm vụ, v.v.) sẽ giúp cải thiện tính kết nối giữa Tổ cùng cộng đồng và với chính quyền trong quá trình giải quyết các vấn đề chung tại cộng đồng.

3.1.2. Nhóm giải pháp liên quan đến năng lực lãnh đạo, điều hành của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong đảm bảo thực hiện dân chủ cơ sở

1. Nâng cao nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý và đảm bảo DCCS cho đội ngũ CBCC trong hệ thống chính trị cấp cơ sở. Cụ thể:

- Nghiên cứu, thí điểm xây dựng “kho học liệu số trực tuyến về DCCS”. Kho học liệu số (sách, báo, video, infographic) này tập hợp bài giảng, mô hình hay, chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến, v.v. về lãnh đạo, thực hiện DCCS được tích hợp, cập nhật hằng kỳ trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, hoặc đề xuất mở thêm tính năng trên ứng dụng VneID, nền tảng học trực tuyến mở đại trà tại: <https://onetouch.mic.gov.vn/>. CBCC, đảng viên có thể đăng ký tìm hiểu, học tập bất kỳ thời điểm nào và có xác nhận kết quả cụ thể, tự động trên hệ thống.

- Quan tâm đầu tư, dành kinh phí mở các khóa tập huấn, bồi dưỡng định kỳ, trong đó cần có các chuyên đề chuyên sâu, mang tính đặc thù của mỗi địa phương. Các tổ chức tự quản quần chúng cần có chương trình tập huấn, bồi dưỡng được thiết kế riêng, sát hợp với nhu cầu công tác.

- Thường xuyên tổ chức trao đổi, tọa đàm nhằm chia sẻ, tổng kết kinh nghiệm giải quyết, xử lý các tình huống phát sinh, nhất là đối với các vấn đề “nóng”, “nổi cộm” trong thực hiện DCCS giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức tại địa phương với nhau và với các địa phương khác bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến.

2. Phát huy đồng thời vai trò của người đứng đầu ở các thôn, tổ dân phố, Ban Công tác Mặt trận, các đoàn thể thông qua tăng cường đi cơ sở để nắm bắt, lắng nghe ý kiến của người dân từ đó định hướng dư luận xã hội. Đồng thời cần kết hợp với việc khai thác tối đa tính năng “lắng nghe dư luận” (social listening) được thiết kế trên hệ thống Trung tâm Điều hành thông minh (IOC)

của các địa phương. Tại TP. Hà Nội, ứng dụng “*Công dân Thủ đô số - iHanoi*”³⁴ cũng cần được khai thác, phát huy tối đa công năng và nhân rộng. Dữ liệu số này cần được cập nhật mỗi ngày và chia sẻ nhanh chóng cho hệ thống chính trị cơ sở để xử lý, theo dõi thường xuyên và ứng phó kịp thời.

3. Các cơ quan có thẩm quyền trong hệ thống chính trị cấp cơ sở nghiên cứu, sớm phân bổ ngân sách hàng năm phục vụ hoạt động triển khai pháp luật DCCS. HĐND và UBND cấp xã xem xét, có nghị quyết, quyết định phân bổ ổn định, hợp lý kinh phí hỗ trợ hoạt động (bao gồm bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phụ cấp, v.v.) cho ban điều hành tổ dân phố, thôn; Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư ở cộng đồng dựa trên đề xuất của các tổ chức này và của Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

Ngoài ra, HĐND cấp tỉnh nên nghiên cứu, cân nhắc nâng mức phụ cấp hỗ trợ hàng tháng cho các đối tượng này hoặc các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện DCCS phù hợp với nguồn ngân sách địa phương, với chính sách tăng lương quốc gia.

4. Hằng năm, Đảng ủy cấp xã cần có nghị quyết, chỉ thị tăng cường lãnh đạo thực hiện DCCS. UBND cùng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã cần có kế hoạch liên tịch trong triển khai mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo DCCS tại địa phương; đồng thời chú ý lồng ghép vào thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội hằng năm và nhiệm kỳ.

3.2. Khuyến nghị đến Chính phủ, chính quyền địa phương và các bên liên quan

1. Kiến nghị Chính phủ cần xem xét, điều chỉnh và hướng dẫn thống nhất toàn quốc để khắc phục một số bất cập tại Nghị định số 59/2023/NĐ-CP:

- Đối với Khoản 1, Điều 3, cần điều chỉnh cách diễn đạt, quy định lại về mối quan hệ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Trưởng ban và Ban Công tác Mặt trận.

- Đối với Tiểu mục 2, Luật Thực hành dân chủ ở cơ sở năm 2022 được cụ thể hóa tại Điều 13, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP khi đề cập về số lượng Ban Thanh tra Nhân dân ở xã, phường, thị trấn: Chúng tôi đề xuất, nếu vẫn giữ nguyên số lượng Ban này ở cấp xã như quy định thì cho phép thành lập thêm Ban Thanh tra nhân dân ở thôn, tổ dân phố đông dân, địa bàn rộng, phân tán và chia cắt nhau về mặt địa lý. Điều này rất quan trọng vì qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, người dân tham gia hiệu quả nhất vào các vấn đề gần với họ cả về lợi ích lẫn địa lý. Ngoài ra, khi tham gia giám sát các hoạt động ở cấp thôn, họ sẽ dễ dàng và tự tin hơn khi phản ánh vấn đề lên chính quyền cấp xã.

- Đối với tiểu mục 3, Luật Thực hành dân chủ ở cơ sở năm 2022 được cụ thể hóa tại Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP khi đề cập về bầu, bầu bổ sung thành viên Ban Giám

34 Ứng dụng “*Công dân Thủ đô số - iHanoi*” được ra mắt với mục tiêu kết nối người dân, doanh nghiệp với các cấp chính quyền thành phố. Một trong những điểm nổi bật của ứng dụng iHanoi là chức năng “*Hanoi Connect*” giúp người dân, doanh nghiệp có thể tương tác với cơ quan chính quyền dễ dàng, thuận tiện hơn. Theo đó, người dân có thể phản ánh hiện trường (gửi phản ánh tới các cấp chính quyền về những vấn đề đời sống dân sinh bức xúc); phản ánh thủ tục hành chính (phản ánh về hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, các trường hợp xử lý chậm trễ thủ tục hành chính của người dân); đăng ký tiếp công dân - hỗ trợ người dân thực hiện đăng ký tiếp công dân với Ban tiếp công dân thành phố Hà Nội.

- Chức năng - “*Hanoi Life*”: Cung cấp các tính năng tiện ích đô thị thông minh như theo dõi giao thông, tra cứu tuyến xe, số sức khoẻ điện tử, thông tin giáo dục, môi trường, du lịch, và thanh toán trực tuyến. Ứng dụng còn cung cấp giải trí thông qua TV360, mang đến sự tiện lợi và thông minh cho cuộc sống hằng ngày tại Hà Nội.

- Chức năng - “*Hanoi News*”: Cập nhật tin tức từ Hà Nội và cung cấp thông tin cảnh báo, tin tức kinh tế, xã hội qua các báo điện tử.

- Chức năng - “*Sáng kiến, góp ý*”: Hỗ trợ người dân gửi ý tưởng, sáng kiến đóng góp cho việc phát triển Thủ đô.

sát đầu tư của cộng đồng hiện chưa hợp lý và có thể gây khó khăn, phiền hà cho người dân. Nghị định này nên điều chỉnh theo hướng *không nhất thiết* phải tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư để bầu, bầu bổ sung các nhân sự của Ban này.

2. Chính phủ và chính quyền địa phương cần: Nghiên cứu, thí điểm và tiến tới áp dụng **Bộ Chỉ số dân chủ ở cơ sở**³⁵. Nhiều quốc gia, chẳng hạn các nước Khối Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã áp dụng chỉ số này (9 tiêu chí, tối đa 25 điểm/tiêu chí) để tự đo lường, xếp hạng dân chủ xã hội cho mình. Tại Việt Nam, 15 năm qua, trong các trục đo lường của PAPI đều có nhiều chỉ báo cụ thể, phản ánh sát sườn hiện trạng tham gia của người dân vào tiến trình dân chủ tại cơ sở.

3. Đối với TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh cần sớm ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, thôn gắn với triển khai các nội dung mới của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật này. Trong đó, quy chế cần xem xét thể chế các vấn đề được quan tâm trong thực hiện DCCS như hỗ trợ kinh phí cho các thiết chế tự quản, hướng dẫn biểu quyết trực tuyến, ứng dụng biểu quyết trực tuyến, v.v. Trên cơ sở này, chính quyền quận Bắc Từ Liêm, huyện Phúc Thọ, thành phố Bắc Ninh và thị xã Quế Võ cần sớm ban hành, triển khai hướng dẫn chi tiết về biểu quyết trực tuyến, ứng dụng biểu quyết trực tuyến trên trang thông tin điện tử địa phương, giới thiệu công khai để chính quyền cấp xã, các tổ dân phố, thôn dễ tiếp cận, thực hiện.

4. Mở rộng các chủ thể tham gia giám sát xã hội, quan tâm đến vai trò của các tổ chức xã hội, cơ quan báo chí, một số mô hình mới do cá nhân (nhóm) đề xuất, khởi xướng (và được các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã “bảo trợ”) để cùng giải quyết các vấn đề chung, cụ thể tại cộng đồng. Đây là các thiết chế có ích, thậm chí không tốn ngân sách nhà nước, không phức tạp về tổ chức bộ máy, v.v. nhưng sự tham gia này của họ sẽ tạo cầu nối giữa người dân và chính quyền chặt chẽ hơn, gần gũi hơn để cùng giải quyết các vấn đề chung tại địa bàn dân cư.

5. Kiến nghị với Trung ương điều chỉnh cách thức, cơ chế duyệt, phân bổ và tiếp nhận kinh phí hỗ trợ hoạt động từ ngân sách nhà nước đối với các thiết chế tự quản (thôn, tổ dân phố, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng), thậm chí là của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã so với phương thức tiếp nhận từ chính quyền cùng cấp như hiện nay. Điều này góp phần phát huy tốt hơn vị thế và năng lực giám sát cũng như phản biện xã hội thực chất của các tổ chức này đối với các công việc chung tại địa phương.

6. Đổi mới cơ cấu nhân sự ban điều hành tổ dân phố, thôn theo hướng *có đại diện người trẻ* tham gia. Hiện tại, nhiều tổ chức tự quản quần chúng có ban điều hành chủ yếu là cán bộ hưu trí và người cao tuổi. Nhiều người trẻ tâm huyết, chẳng hạn từ đoàn viên, thanh niên tại địa bàn dân cư, ở thôn, tổ dân phố, v.v. nếu có cơ chế động viên và khuyến khích có thể giúp trẻ hóa dần ban điều hành các tổ chức tự quản. Từ đó, các thiết chế này sẽ kết hợp được uy tín, kinh nghiệm vốn là ưu thế của nhóm cao niên cùng sự trẻ trung, nhạy bén và giỏi công nghệ từ nhóm trẻ tuổi.

35 Thomas Meyer & Nicole Breyer (2007). Tương lai của nền dân chủ xã hội. NXB. Lý luận chính trị. HN. Tr. 387-389.

Tài liệu tham khảo

Nghị quyết và một số văn bản quy phạm pháp luật

- Ban Bí thư (2002). Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28/3/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. HN.
- Bộ Chính trị (1998). Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. HN.
- Bộ Chính trị (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. HN.
- Chính phủ (1998). Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/05/1998 của Chính phủ về Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. HN.
- Chính phủ (2003). Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07/7/2003 của Chính phủ về Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. HN.
- Chính phủ (2023). Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. HN.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB. Chính trị quốc gia Sự thật. HN.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tập 1 & 2). NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật. HN.
- Đảng ủy phường Cổ Nhuế 2 (2024). Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Cổ Nhuế 2. HN.
- Đảng ủy xã Hát Môn (2024). Báo cáo tình hình thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở. HN.
- Đảng ủy xã Mộ Đạo (2024). Báo cáo tình hình thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở tại xã Mộ Đạo. Bắc Ninh.
- Quốc hội (2022). Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. HN.
- Thị ủy Quế Võ (2024). Kết quả thực hiện dân chủ cơ sở từ năm 2020 đến năm 2024. Bắc Ninh.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. HN.
- Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. HN.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. HN.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1998). Nghị quyết số 45/1998/NQ-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, thị trấn, phường. HN.

Ấn phẩm khoa học

1. CECODES, RTA & UNDP (2024). Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI): Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân, năm 2023. Báo cáo nghiên cứu chính sách chung của Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Công ty Phân tích Thời gian thực (RTA) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). Hà Nội, Việt Nam.
2. Phạm Văn Đức & Bùi Nguyên Khánh (2019). Dân chủ và thực trạng thực hiện dân chủ những năm qua. Trang thông tin Hội đồng Lý luận Trung ương, đường dẫn truy cập: <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/dan-chu-va-thuc-trang-thuc-hien-dan-chu-nhung-nam-qua.html>
3. Gudmundur Alfredsson & Asbjørn Eide (2011). Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, 1948: Mục tiêu chung của nhân loại (Hoàng Hồng Trang, Nguyễn Hải Yến, Nguyễn Thị Xuân Sơn dịch). NXB. Lao động - Xã hội. HN.
4. Nguyễn Hữu Hoàng (2016). Những thay đổi về mối quan hệ nhà nước - công dân trong nền công vụ Việt Nam hiện nay. Tạp chí Khoa học chính trị. Số 4/2026. tr. 33-37.
5. IDEA quốc tế (2013). Khung đánh giá thực trạng dân chủ địa phương. Dịch bởi: Viện Chính trị học (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). HN.
6. Nhóm làm việc vì sự tham gia của người dân và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam (2022). Báo cáo nghiên cứu trường hợp điển hình về thực hiện dân chủ ở cơ sở, và góp ý cho việc xây dựng và thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, do Nhóm làm việc vì sự tham gia của người dân và Chương trình Phát triển Liên hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam thực hiện. Hà Nội, Việt Nam: Tháng 12 năm 2022.
7. Ngô Văn Sỹ (2021). Nhìn lại 20 năm thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở. Tạp chí Cộng sản điện tử, đường dẫn truy cập: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/821526/nhin-lai-hon-20-nam-thuc-hien-quy-che-dan-chu-o-co-so.aspx>
8. Thomas Meyer & Nicole Breyer (2007). Tương lai của nền dân chủ xã hội. NXB. Lý luận chính trị. HN.

Tập thể nhà nghiên cứu

1. PGS. TS. Lê Văn Chiến: Viện trưởng Viện Lãnh đạo học và Chính sách công (ViLEAP), *Trưởng nhóm*.
2. PGS. TS. Đặng Thị Ánh Tuyết: Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, giảng viên thỉnh giảng ViLEAP (HCMA), *Điều phối hoạt động chuyên môn*.
3. ThS. Nguyễn Hữu Hoàng: Khoa Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị khu vực II (HCMA), *Thư ký khoa học*.
4. PGS. TS. Hoàng Văn Nghĩa: Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế (HCMA), *Thành viên*.
5. TS. Nguyễn Anh Tuấn: Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học (HCMA), *Thành viên*.
6. ThS. Võ Thị Huế: Viện Lãnh đạo học và Chính sách công (ViLEAP), *Thành viên*.
7. TS. Nguyễn Thị Thanh Dung: Viện Chính trị học (HCMA), *Thành viên*.
8. TS. Nguyễn Thị Hồng Minh: Viện Chính trị học (HCMA), *Thành viên*.

BÁO CÁO THAM VẤN SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN TRONG THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập: TRẦN CHÍ ĐẠT

Biên tập: Nguyễn Long Biên

Vũ Thị Ngọc Mai

Trình bày sách: Công ty TNHH Luck House

Sửa bản in: Công ty TNHH Luck House

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

www.nxbthongtintruyenthong.vn; book365.vn; ebook365.vn

Trụ sở:

Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

ĐT Biên tập: 024.35772143

ĐT Phát hành: 024.35772138

E-mail: nxb.tttt@mic.gov.vn

Chi nhánh Nhà xuất bản tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 211 đường Nguyễn Gia Trí, P25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.35127750 * Fax: 028.35127751

E-mail: cnsq.nxbtttt@mic.gov.vn

Chi nhánh Nhà xuất bản tại miền Trung - Tây Nguyên

Địa chỉ: 42 Trần Quốc Toản, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

46 đường Y Jút, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0236.3897467/0262.3808088 * Fax: 0236.3843359

E-mail: cndn.nxbtttt@mic.gov.vn

In 200 bản, khổ 21 x 29,7 cm tại Công ty TNHH Luck House

Địa chỉ: Số 4/6/518 Đội Cấn, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội

Số quyết định xuất bản: 738/QĐ - NXB TTTT ngày 31/12/2024

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 5294-2024/CXBIPH/1-182/TTT

Nộp lưu chiếu năm 2024

ISBN: 978-604-49-97-77-3

Về tác giả

Chủ biên: PGS. TS. Lê Văn Chiến

Phó Chủ biên: PGS. TS. Đặng Thị Ánh Tuyết

Các tác giả xem trang 25

About the authors

Editor-in-Chief: Assoc. Prof. Dr. Le Van Chien

Deputy Editor-in-Chief: Assoc. Prof. Dr. Dang Thi Anh Tuyet

For the full list of authors, see page 59

Xuất bản bởi Imprint

@2024 Friedrich-Ebert-Stiftung Vietnam Office
7 Ba Huyen Thanh Quan, Ba Dinh
Hanoi, Vietnam
IPO Box 44

Chịu trách nhiệm | Responsible:

Timo Rinke | Đại diện Thường trú Văn phòng tại Việt Nam
Resident Representative in Vietnam Office

 vietnam.fes.de

 FriedrichEbertStiftung.Vietnam

Quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này không phải là quan điểm của Friedrich-Ebert-Stiftung (FES). Không được phép sử dụng bất cứ tài liệu nào do Viện FES xuất bản vào mục đích thương mại nếu chưa được FES đồng ý bằng văn bản. Các ấn phẩm của FES không được sử dụng cho mục đích vận động tranh cử.

The views expressed in this publication are not necessarily those of the Friedrich-Ebert-Stiftung (FES). Commercial use of all media published by FES is not permitted without the written consent of the FES. Publications by the FES may not be used for the electioneering purposes.



**TÀI LIỆU KHÔNG BÁN
NOT FOR SALES**